bằng văn bản về Bộ Giao thông vận tải để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Đào Đình Bình

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 40/2004/QĐ-BNN ngày 19/8/2004 về việc công bố "Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam".

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Nông nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố "Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Nông nghiệp, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh và sử dụng phân bón ở Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thứ trưởng

Bùi Bá Bổng

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

DANH MỤC PHÂN BÓN ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM

(ban hành kèm theo Quyết định số 40/2004/QĐ-BNN ngày 19/8/2004).

I. Phân khoáng đơn

Số thứ tự	Tên phân bón - công thức hóa học	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
1	Urê - $(NH_2)_2CO$	Urê; Urea	%	$N \geq 45$	Từ các nguồn
2	Natri nitrate - $NaNO_3$	Natri nitrate; Sodium nitrate	%	$N \geq 16$	Từ các nguồn
3	Supe lân	Supe lân; Supe phốt phát	%	$P_2O_{5(hh)} \geq 16$ axit tự do ≤ 4	Từ các nguồn
4	Kali clorua - KCl	Kali clorua; Muriate of potash - MOP; Potassium chloride	%	$K_2O \geq 60$	Từ các nguồn
5	Kali sunphat - K_2SO_4	Kali sunphat; Potassium sulfate; Sulfate of potash - SOP	%	$K_2O \geq 50$	Từ các nguồn
6	Kali	Kali viên	%	$K_2O \geq 30$	Từ các nguồn
7	Clorua Canxi - $CaCl_2.2H_2O$	Clorua Canxi	%	$CaCl_2.2H_2O \geq 95$	Từ các nguồn

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

8	Đạm	Par-ex 31.0.0	%	$N \geq 31$	Công ty Connell Bros
9	Đạm	Par-ex 42.0.0	%	$N \geq 42$	
10	Đạm	Par-ex 44.0.0	%	$N \geq 44$	
11	Kali	Par-ex 0.0.58	%	$K_2O \geq 58$	
12	Kali	Par-ex 0.0.60	%	$K_2O \geq 60$	
13	Vi lượng	HP-306	%	B: 8,5	Công ty trách nhiệm hữu hạn Nông Sinh
14	Trung lượng	Granusol	%	Mg: 45	Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Tân Quy
15	Vi lượng	Calcinated Ulexite	%	B_2O_3: 38	
16	Vi lượng	Granubor	%	B: 10	
17	Vi lượng	Granusol	%	Zn: 36	
18	Vi lượng	Granusol	%	Mn: 35	
19	Vi lượng	Granusol	%	Fe: 50	
20	Vi lượng	Granusol	%	Cu: 30	
21	Vi lượng	Ulexite	%	B_2O_3: 32	

II. Phân đa yếu tố

1. Phân phức hợp

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
1	Sunphát amôn - $(NH_4)_2SO_4$; Amonium sulfate; SA; AS	%	$N \geq 20$ $S \geq 24$	Từ các nguồn

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

2	Canxi nitrate - $Ca(NO_3)_2$; Calcium Nitrate	%	$N \geq 15$ $CaO \geq 26$ $Ca \geq 18$	Từ các nguồn
3	Phân lân nung chảy; Phân lân canxi magiê; Fused magnesium phosphate; Supetecmô phốtphát; Supetecmô	%	$P_2O_{5(hh)} \geq 15$ $CaO \geq 14$ $MgO \geq 8$ $SiO_2 \geq 12$	Từ các nguồn
4	Sunphát kali magiê; Sulfate of Potash Magnesium (Sul-Po-Mag)	%	$K_2O \geq 22$ $S \geq 18$ $MgO \geq 10$	Từ các nguồn
5	Ammonium polyphosphate; APP	%	$N \geq 12$ $P_2O_{5(hh)} \geq 40$	Từ các nguồn
6	Nitro phosphate; NP	%	$N \geq 20$ $P_2O_{5(hh)} \geq 20$	Từ các nguồn
7	Diammonium Phosphate; DAP - $(NH_4)_2H_2PO_4$	%	$N \geq 18$ $P_2O_{5(hh)} \geq 46$	Từ các nguồn
8	Monoammonium phosphate; MAP	%	N: 10 $P_2O_{5(hh)} \geq 10 - 50$	Từ các nguồn
9	Kali nitrat - KNO_3; Potassium nitrate; Hi-K	%	$N \geq 13$ $K_2O \geq 46$	Từ các nguồn

2. Phân khoáng trộn

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
1	NPK	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O \geq 18$	Từ các nguồn
2	Conco 32% P_2O_5 - 52% CaO	%	$P_2O_{5(hh)}$: 32 CaO: 52	Công ty Liên doanh BACONCO
3	Con Cò NPS	%	N: 20 $P_2O_{5(hh)}$: 20 S: 10 CaO: 7	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

4	Con Cò USP	%	N: 20 $P_2O_{5(hh)}$: 10 S: 7 CaO: 15	Công ty Liên doanh BACONCO
5	Con Cò	%	N: 20 $P_2O_{5(hh)}$: 10 S: 6,5	
6	Con Cò bón dừa	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 8-20-12 CaO: 27,3	
7	Conco NPK 10 - 20 - 6 + 18 CaO	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 10-20-6 CaO: 18	
8 - 11	Con Cò	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S: 16-16-8-13; 20-20-15-3; 20-20-0-14; 20-15-15-5,6	
12	Con Cò	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S-CaO: 15-15-15-7,74-4,51	
13	Con Cò bón Chè	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S-CaO: 19-9-9-13-2,5	
14	Con Cò bón tiêu	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S-CaO: 14-7-21-9-4	
15	Conco NPK 14 - 7 -15 + 5S + 10CaO	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S-CaO: 14-7-15-5-10	
16	Conco NPK 14 - 10 - 18 + 4S + 9CaO	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S-CaO: 14-10-18-4-9	
17	Conco USPK1 18 - 9 -5 + 6S + 15CaO	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S-CaO: 18-9-5-5-15	
18	Conco USPK2 16 - 8 - 12 + 5,5S + 14CaO	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S-CaO: 16-8-12-5,5-14	
19	Conco USPK3 14 - 7 - 18 + 5S + 12CaO	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S-CaO: 14-7-18-5-12	
20	Con Cò	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-CaO-MgO: 16-16-8-9-4	
21	Con Cò bón chè, ngô	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S-MgO: 8-12-13-10,7-7	
22	Con Cò bón dứa	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-CaO-MgO: 8-20-8-29,8-1,2	
23	Con Cò bón mía	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-CaO-MgO: 12-10-15-18,2-3,9	
24	Con Cò	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S-CaO-MgO: 14-7-14-9,6-5,3-2,5	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

25	Con Cò bón cao su, bắp (ngô), bông vải	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-S-CaO-MgO$: 14-14-7-4-17-4,3	
26	Con Cò bón mía, cà phê, khoai mì lúa	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-S-CaO-MgO$: 14-7-14-9,6-5,3-2,5	
27	Con Cò bón cho mía, cà phê	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-S-CaO-MgO$: 15-8-15-5,6-8-3	
28	Con Cò bón đậu phộng (lạc), đậu nành (đậu tương)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-CaO-MgO-B$: 7-18-15-14-3-0,15	
29	Con Cò bón cây ăn quả	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-S-MgO-B$: 15-15-15-9,5-2-0,15	
30	Con Cò bón cây ăn trái	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-S-MgO-B$: 15-15-15-10-1,3 -0,15	
31	Con Cò bón hành, cây ăn quả	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-S-CaO-B$: 14-28-14-6,2-2,5-0,15	
32	Con Cò bón rau cải, dưa hấu	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-S-CaO-B$: 13-8-12-15,8-5,2-0,15	Công ty Liên doanh BACONCO
33	Con Cò bón rau ăn lá	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-S-CaO-B$: 13-8-12-15,8-5,2-0,15	
34	Con Cò bón thuốc lá	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-S-CaO-B$: 8-12-20-8,3-8,2-1	
35	Con Cò bón rau cho củ, cà chua, cây ăn trái	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-S-CaO-MgO-B$: 7-7-14-14-11-2,0-0,15	
36	Con Cò bón cây ăn củ	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-S-CaO-MgO-B$: 7-7-14-3,2-11-2,5-0,15	
37	Con Cò bón lạc	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-S-CaO-MgO-B$: 7-20-8-3,2-14,8-6,5-0,15	
38	Nutra-Phos-N	%	N: 16 $P_2O_{5(hh)}$: 20 (Ca, Mg): 5,5	Công ty Pege International
39	Nutra-Phos Super K	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 7-13-34 Zn: 12,5	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

40	Basacote Plus 6M 16 - 8 - 12 (+ 2MgO + 5S + TE) (chuyên dùng cho hoa và cây cảnh)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S-MgO: 16-8-12-5-2 B: 0,02 Cu: 0,05 Fe: 0,4 Mn: 0,06 Mo: 0,015 Zn: 0,02	Công ty BEHN MEYER&Co-(PTE) Ltd- VN
41	Calcium Ammonium Nitrate	%	N: 27 CaO: 12	
42	Fruit Ace	%	K_2O: 30 MgO: 10 S: 17	
43	Nitrophoska Green	%	N-$P_2O_{5(hh)}$- K_2O - CaO-MgO: 15-15-15-9-4	
44	Nitrophoska ELITE (12 - 10 - 20 - 2 + TE)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S-MgO-Fe-B: 12-10-20-0,08-2-0,08-0,02	
45	Nitrophoska Blau 12 - 12 - 17 + 2TE	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S-CaO-MgO-B-Zn: 12-12-17-6-5-2-0,02-0,01	
46	Nitrophoska Perfekt 15 - 5 - 20 + 2TE	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S-CaO-MgO-B-Zn: 15-5-20-8-2-2-0,02-0,01	
47	Bolster	%	S: 2 Fe: 5 RB: 2 Axit Humic: 4	Công ty Connell Bros (cho sân golf)
48	Bolster	%	S: 7 Fe: 17 RB: 7 Axit Humic: 13	
49	Bolster Basic	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 2-2-2 RB: 2,7 Axit Humic: 1,3	
50	Bolster Basic	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 12-12-12 RB: 20 Axit Humic:11 Fe: 0,5	Công ty Connell Bros (cho sân golf)
51	Par-ex 16.4.16	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S-Fe-Mn-Zn: 16-4-16-12-1-0,1-0,1	
52	Par-ex 18.3.18	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S: 18-3-18-6	
53	Par-ex 20.3.3	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-Fe: 20-3-3-0,43	
54	Par-ex 20-3-12		N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S: 20-3-12-4,8	
55	Par-ex 20.3.20	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S-Fe-Mn-Zn: 20-3-20-7,5-2-0,2-0,2	
56	Par-ex 21.4.18	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S-Mg-Mn-Fe: 21-4-18-3,8-1-1-1,4	
57	Par-ex 22.3.18	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S-Mg-Fe: 22-3-18-3,5-1-1	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

58	Par-ex 22.4.22	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-S-Mn-Fe-Zn: 22-4-22-1,3-0,1-1-0,1	
59	Par-ex 30.5.10	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-S-Fe: 30-5-10-3,7-2,3	
60	Sustane 2.3.2	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-Ca-Mg-Mn: 2-3-2-3-0,6-0,06	
61	Sustane 4.6.4	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 4-6-4 Ca: 2	
62	Sustane 5.2.4	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-S-Ca-Fe: 5-2-4-2-2-2	
63	Sustane 5.2.10	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-S-Ca-Fe: 5-2-1-4-1-2	
64	Sustane 10.2.10	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-S-Ca-Fe: 10-2-10-5-1-2	
65	Sustane 12.2.8	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-S-Ca-Fe: 12-2-8-5-1-2	
66 - 67	TR_2^{TM}	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-Fe: 20-3-20-Fe; 28-4-12-Fe	
68	WIL-GRO	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-TR_2^{TM}$: 24-4-12-$TR_2^{TM}$	
69	Sulpomag	%	K_2O: 22 Mg: 10,8 Cl: 2,5	Công ty Imc Global Operations
70	Multiplex	%	Zn: 6 Cu: 0,1 Ca: 0,1 Mn: 0,5 Fe: 2 Mo: 0,01 B: 0,3 Mg: 2	Công ty Karnataka Ấn Độ
71	Maxgow	%	Protein: 7,5~9,5 Ca: 0,01~0,03 Cu: 0,01~0,03 Fe: 0,02~0,08 Zn: 0,02~0,06 Mg: 0,02~0,06	Công ty trách nhiệm hữu hạn Maxgow
72	Calplus	%	Ca: 8 Carboxylic axit: 3	Công ty MITSUI & Co-Ltd (sp của Otsuka)
73	Raja (white)	%	(Mg, S) ≥ 0,8 (Zn, Cu, Mn) ≥ 0,04	
74	Raja (Black)	%	(Mg, S) ≥ 0,74 (Zn, Cu) ≥ 0,0006	
75	Maruay 20-20-20	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 20-20-20 (Mg, S) > 4,5	
76	Unifos 20-20-20	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 20-20-20 (Mg, S): 5,5	
77 - 80	NPKS	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-S: 12-10-18-10; 16-8-14-12; 16-16-8-13; 18-10-6-15	Công ty Phân bón Việt Nhật

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

81 - 84	JF1	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O\text{-}MgO$: 14-8-4-2,2; 16-10-6-2,2; 16-16-6-2,2; 16-16-8-13-2,2	
85	JF2	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 16-8-4 MgO: 2,2	
86 - 88	JF3	%	$N\text{-}K_2O\text{-}MgO$: 20-16-2,2; 20-18-2,2; 20-20-2,2	
89 - 92	JF3	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O\text{-}MgO$: 10-10-15-2,2; 10-10-20-2,2; 15-10-20-2,2; 20-20-15-2,2	
93 - 105	JT	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O\text{-}MgO$: 20-20-10-2,2 10-4-14-2,2; 10-5-15-2,2; 10-20-20-2,2; 12-7-19-2,2; 12-12-12-2,2; 12-12-17-2,2; 15-5-20-2,2; 15-7-20-2,2; 17-7-21-2,2; 15-10-15-2,2; 15-20-15-2,2; 16-8-8-2,2	
106	Hỗn hợp NP 10-10-3S	%	N: 10 $P_2O_{5(hh)}$: 10 S: 3	Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp
107	Hỗn hợp NK 10-25-10S	%	N: 10 K_2O: 25 S: 10	
108	Hỗn hợp NPK 5-10-3-3S	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 5-10-3 S: 3	
109	Hỗn hợp NPK 8-10-3-3S	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 8-10-3 S: 3	
110	Hỗn hợp NPK 8-4-6-3S	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 8-4-6 S: 3	Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp
111	Hỗn hợp NPK 10-5-5-4S	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-5-5 S: 4	
112	Hỗn hợp NPK 16-16-8-13S	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 16-16-8 S: 13	
113-192	NPKS	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O\text{-}S$: 24-10-10-10; 18-18-9-13; 16-8-8-3; 14-8-6-5; 24-8-12-4; 18-12-6-13; 16-8-8-8; 14-8-6-4; 23-5-5-7; 18-12-6-6; 16-6-16-3; 14-8-6-3; 22-10-20-2; 18-10-16-3; 16-4-6-3; 14-8-6-6; 22-10-15-6; 18-10-10-3; 15-20-15-3; 14-7-14-9; 22-10-10-7; 18-9-12-6; 15-15-10-5; 14-7-14-5; 20-20-15-5; 18-8-10-4; 15-15-7-9; 12-12-12-4;	Công ty Phân bón và hóa chất Cần Thơ

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

			20-20-10-5; 18-8-8-6; 15-15-6-4; 12-10-15-5; 20-15-15-7; 18-8-8-3; 15-10-15-3; 12-6-12-3; 20-15-10-13; 18-8-6-4; 15-10-15-5; 12-6-6-8; 20-10-20-2; 18-6-16-4; 15-10-5-10; 12-5-8-3; 20-10-20-1; 17-17-6-2; 15-10-5-5; 10-5-5-4; 20-10-15-5; 17-7-17-3; 15-9-13-2; 10-0-25-10; 20-10-15-13; 17-5-15-4; 15-7-19-4; 8-10-3-3; 20-10-15-1; 16-16-16-5; 15-7-9-4; 8-5-6-5; 5-10-3-3; 16-16-8-13; 15-6-15-3; 8-4-6-3; 20-10-5-5; 16-16-8-4; 15-5-15-3; 7-7-7-3; 20-10-5-3; 16-16-8-1; 15-5-15-5; 6-9-3-3; 20-8-14-3; 16-8-16-4; 15-5-5-5; 6-6-6-3; 20-5-5-5; 16-8-12-5; 14-9-9-6; 5-10-10-5	
193	NPK + trung lượng	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-(CaO+MgO)$: 13-13-20-9	
194 - 197	NPS	%	$N-P_2O_{5(hh)}-S$: 25-10-9; 15-10-4; 10-10-4; 10-10-5	Công ty Phân bón và hóa chất Cần Thơ
198	NKS	%	N: 16 K_2O: 20 S: 12	
199 - 200	NPK + trung lượng	%	$N-K_2O-S-(CaO+MgO)$: 20-18-5-4; 20-15-5-4	
201 - 215	NPK + trung lượng	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-S-(CaO+MgO)$: 12-12-17-2,2; 12-7-19-2,2; 13-13-20-5-4; 14-7-14-9-4; 15-10-20-2,2; 15-9-13-7-4; 15-7-20-2,2; 16-16-8-13-5; 20-18-5-5-4; 20-15-5-5-4; 20-10-5-5-4; 22-18-5-5-4; 20-10-10-9-2; 20-8-14-1-3; 25-9-13-1-2	
216 - 217	NPK + trung, vi lượng	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-S-(CaO+MgO)-Zn$: 16-8-8-4-0,02; 12-10-15-5-4-0,01	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

218	NPK + trung, vi lượng	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O\text{-}S\text{-}(CaO+MgO)\text{-}B$: 10-10-15-5-5-4-0,15	
219 - 233	NPK + trung, vi lượng	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O\text{-}S\text{-}(CaO+MgO)\text{-}Zn\text{-}B$: 10-15-15-1-4-0,01-0,01; 12-12-17-1-4-0,01-0,01; 12-12-17-2,5-2-0,01-0,02; 13-13-20-1-4-0,01-0,01; 13-13-13-1-4-0,01-0,01; 15-15-15-6-4-0,01-0,02; 15-15-6-1-4-0,01-0,01; 15-9-13-7-4-0,15-0,02; 15-5-20-1-2-0,02-0,0 1; 15-5-15-1-4-0,01-0,01; 16-16-16-1-4-0,01-0,01; 16-16-8-1-4-0,01-0,01; 16-8-16-1-4-0,01-0,01; 17-17-17-1-4-0,01-0,01; 12-11-18-7,6-2-0,016-0,012-0,016Fe	
234	Vi lượng P333	%	(Ca, Mg): 5 Zn: 0,2 Mn. 0,2	Công ty Phân bón miền Nam
235	Vi lượng P555	%	(Ca, Mg): 5 Zn: 4	
236	Mekofa-999	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 9-5-5 Zn: 100 B: 50 Cu: 50 Mn: 100 Mo: 5 Mg: 150	
237	Mekofa-555	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 4-3-3 Zn: 100 B: 50 Cu: 50 Mn: 100 Mo: 5 Mg: 150	
238	NPS	%	N: 10 $P_2O_{5(hh)}$: 10 S: 5	Công ty Phân bón miền Nam
239	NKS	%	N: 10 K_2O: 25 S: 10	
240-242	NPKS	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}S$: 16-20-12; 10-10-4; 15-10-4	
243	Amix-202	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-4-4 Polyhumat: 50 (Cu+Mn+Fe+B+Mo+Zn): 130	
244	Đầu trâu CH2	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 18-10-10 S: 3	
245	Đầu trâu CP1	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 17-5-15 S: 4	
246	Đầu trâu CP2	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 20-10-15 S: 5	
247	Đầu trâu CP3	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 22-10-20 S: 2	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

248	Đầu trâu CM1	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 18-10-16	S: 3			
249	Đầu trâu CS1	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 17-17-6	S: 2			
250	Đầu trâu CS2	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 17-7-17	S: 3			
251	Đầu trâu CS3	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 15-9-13	S: 2			
252	Đầu trâu CF2+S	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 15-5-15	S: 3			
253	Đầu trâu CF3+S	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 20-10-20	S: 2			
254	Đầu trâu CF4+S	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 20-10-5	S: 5			
255	Đầu trâu M1	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 20-8-14	S: 3			
256	Đầu trâu P4241	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 24-10-10	S: 10			
257	Đầu trâu Q2	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 15-6-15	S: 3			
258	Đầu trâu Q1	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 16-16-16	S: 5			
259	Đầu trâu Tr1	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 20-10-5	S: 3			
260 - 323	NPKS	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-S:				Công ty Phân bón miền Nam
			5-10-10-5;	14-8-6-5;	14-9-9-6;	5-10-3-3;	
			15-10-5-5;	15-15-7-9;	16-8-16-4;	16-16-8-13;	
			20-20-15-5;	18-8-8-6;	24-8-12-4;	22-10-15-6;	
			18-9-12-6;	18-8-6-4;	16-4-6-3;	15-7-9-4;	
			15-7-19-4;	15-5-5-5;	12-6-12-3;	12-5-8-3;	
			16-8-8-3;	16-8-12-5;	16-16-8-4;	15-10-5-10;	
			12-12-12-4;	12-6-6-8;	24-10-10-10;	24-8-12-4;	
			22-10-20-2;	22-10-15-6;	20-20-10-5;	20-15-15-7;	
			20-10-5-5;	20-10-5-3 ;	20-10-20-2;	20-10-15-5;	
			20-8-14-3;	18-18-9-13;	18-10-10-23;	18-8-10-4;	
			18-9-12-6;	18-8-8-3;	18-8-6-4;	18-6-16-4;	
			17-17-6-2;	17-7-17-3;	17-5-15-4;	16-16-16-5;	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

			16-6-16-3; 15-15-10-5; 15-16-6-4; 15-10-15-3; 15-9-13-2; 15-6-15-3; 15-5-15-3; 14-8-6-4; 14-8-6-3; 10-5-5-4; 8-10-3-3; 8-4-6-3; 8-5-6-5; 7-7-7-3; 6-9-3-3; 6-6-6-3	
324	Hỗn hợp NPK 20-20-15+TL	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-CaO-MgO-S$: 20-20-25-0,33-0,36-1,8	
325	Hỗn hợp NPK 13-13-13+TL	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-CaO-MgO-S$: 13-13-13-1,6-1,2-5,4	
326	Nho 11-7-14-13-8-5	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-S-Ca-Mg$: 11-7-14-5-13-8	
327 - 343	Hỗn hợp NPK	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-MgO-CaO-SiO_2-S$: 5-10-3-20-8-15; 5-12-3-22-10-20; 10-10-5-20-8-15; 10-12-5-20-10-18; 16-16-8-10-6-10; 14-7-14-12-6-12; 6-12-2-22-10-18-2; 17-5-16-10-5-8-1; 10-10-5-20-8-15-2; 5-12-3-22-10-20-2; 10-12-5-20-10-18-2; 5-12-5-20-10-20-1; 3-13-4-22-12-20-1; 7-11-3-20-10-18-1; 10-10-10-20-8-15; 8-10-8-20-8-15 ; 15-10-5-10-8-5	Công ty Phân lân Ninh Bình
344 - 348	NPK	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-MgO-CaO-SiO_2-S-Na_2O$: 10-10-5-8-16-15-1-0; 18-5,6-9-5-10-9-2-3; 17-7,5-5,5-6-12-11-2-3; 16,6-7,3-7-6-12-10-2-3; 18-8-3-8-15-13-2-0	Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển
349 - 366	NPK	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-MgO-CaO-SiO_2$: 12-6-12-5-10-8; 8-8-12-7-13-11; 12-6-18-4-8-6; 16-8-8-7-10-9; 24-4-8-3-6-5; 20-5-10-9-5-8; 16-8-4-15-8-13; 16-5-17-5-8-7; 10-5-12-7-7-6; 10-10-10-3-6-5; 15-15-15-3-6-5; 15-20-15-3-6-5;	

			16-16-8-3-6-5; 25-25-5-3-6-5; 4-5-9-3-6-5; 10-5-10-3-6-5; 10-12-5-8-16-15; 10-5-12-7-7-6	
367 - 376	NPK	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O-CaO-MgO-SiO_2-S$: 14-8-7-12-6-9-1; 6-11-2-20-10-15-2; 5-10-3-10-8-15-1; 5-10-6-14-8-11-2; 4-12-5-16-8-15-2; 4-9-5-12-7-9-1; 2-12-4-16-8-13-2; 4-10-4-14-7-12-2; 8-8-8-11-6-8-1; 12-6-10-7-7-6-1	
377	Bimix Flower	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 5-10-3	Công ty Cây trồng Bình Chánh (thành phố Hồ Chí Minh)
		ppm	Ca: 50 Mg: 400 Cu: 250 Fe: 50 Mn: 300 Zn: 250 B: 200 Co: 25 Mo: 25	
378	Bifoliar	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 12-8-5	
		ppm	Ca: 125 Mg: 500 Zn: 150 B: 100 Cu: 200 Fe: 100 Mn: 250 Co: 50 Mo: 50	
379	Bimix 96-3 Cà phê	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 7-8-7	
		ppm	Mg: 300 Cu: 150 Fe: 100 Mn: 300 Zn: 250 B: 250	
380	Bimix Folat	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 20-10-14	
		ppm	Cu: 150 Fe: 50 Mn: 400 Zn: 350 B: 300	
381	Bimix - Powder	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 30-10-10	
		ppm	Mg: 500 Cu: 300 Fe: 100 Mn: 500 Zn: 200 B: 50 Mo: 50	
382	Bimix Powder	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 15-30-10	Công ty Cây trồng Bình Chánh (thành phố Hồ Chí Minh)
		ppm	Mg: 200 Cu: 300 Fe: 50 Mn: 350 Zn: 300 B: 200 Mo: 50	
383	Bimix - Top 96.3	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 12-6-3	
		ppm	Ca: 35 Mg: 100 Zn: 40 B: 20 Cu: 50 Fe: 20 Mn: 60 Co: 10 Mo: 10	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

384	Bimix - Top 96.4	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 9-6-3 Ca: 20 Mg: 200 Zn: 40 B: 30 Cu: 50 Fe: 10 Mn: 40 Co: 10 Mo: 10	
385	Bimix-Top 96.3 Đậu phộng (lạc)	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 7-7-7 Cu: 300 Fe: 50 Mn: 400 Zn: 300 B: 250	
386	Bimix- Top 96.3 Lúa	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 10-8-4 Cu: 250 Fe: 50 Mn: 300 Zn: 250 B: 150	
387	Bimix - Top 96.3 Xoài	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 5-8-8 Cu: 250 Fe: 50 Mn: 300 Zn: 250 B: 150 Mo: 100	
388	Powder 16-16-8	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 16-16-8 Mg: 300 Cu: 500 Fe: 100 Mn: 600 Zn: 400 B: 300 Mo: 150	
389 - 391	NPKS	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-S: 16-16-8-13; 10-10-5-5; 14-8-6-5	Công ty trách nhiệm hữu hạn Phân hữu cơ Bình Dương
392	NKS 12-24-6	%	N: 12 K_2O: 24 S: 6	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hà Anh
393	NKS 10-30-6	%	N: 10 K_2O: 30 S: 6	
394	NP	%	N: 0,2 $P_2O_{5(hh)}$: 8 Ca: 5 Mg: 5	Công ty Công nghiệp Hóa chất Quảng Ngãi
395 - 397	NPKS	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-S: 16-16-8-13; 14-8-6-5; 16-16-8-3	
398	Đặc chủng cho mía	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-CaO-MgO: 10-10-20-6-4	
399	Đặc chủng cho mía	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-CaO-MgO: 15-10-20-6-4	Công ty Công nghiệp Hóa chất Quảng Ngãi

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

400	Super Moraleaf	%	$P_2O_{5(hh)}$: 50	K_2O: 30	Zn: 0,06	Mo: 0,001	Công ty trách nhiệm hữu hạn DVTM Thanh Sơn Hóa Nông
			Mn: 0,05	Co: 0,01	Cu: 0,05		
401	Hỗn hợp NPKS	%	N: 21	S: 22			Công ty trách nhiệm hữu hạn TMDV Tấn Hưng
402 - 417	Hỗn hợp NPKS	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-S:				
			15-10-10-5;	15-10-5-5;	15-15-7-9;	16-6-16-3;	
			16-8-16-4;	16-16-8-13;	16-20-0-12;	17-17-10-3;	
			20-20-15-5;	20-10-10-5;	10-16-16-3;	15-15-6-4;	
			16-8-16-5;	6-16-8-3;	14-9-9-6;	5-15-6-4	
418 - 425	Hỗn hợp N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O (Ca + Mg)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-(Ca+Mg):				
			9-9-9-9;	11-7-14-26;	14-9-9-6;	15-15-7-9;	
			16-8-16-4;	16-8-16-5;	20-10-10-5;	20-20-15-5	
426	VSL2 (phân bón chuyên dùng cho roi (mận))	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-B-Zn: 5-1-5-0,05-0,02				Công ty trách nhiệm hữu hạn Giống cây trồng Đồng Nai VACDONA
427	Thể lỏng Úc loại A	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-Ca-Mg:10,2-10,8-6,5-0,5-1,0				Công ty Cổ phần TM Sản xuất K-T
		ppm	Cu: 500	Zn: 600	Mo: 15		
428	Thể lỏng Úc loại B	%	N: 22,5	$P_2O_{5(hh)}$: 7	Ca < 0,01	Mg < 0,01	
		ppm	Cu: 1,5	Zn: 1,2	Mo: 4,1		
429	Hỗn hợp NPK-MTX1	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O-CaO-MgO: 10-10-5-3-1,6				Công ty trách nhiệm hữu hạn Mặt Trời Xanh

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

430	Fulutonic	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O\text{-}S\text{-}Mg$: 10-7-5-1-1,5 Cu: 1,5 Zn: 0,5 B: 0,7 Fe: 10 Mn: 0,5 Mo: 0,003	Công ty trách nhiệm hữu hạn Minh Đức
431	MĐ 01	% ppm	N: 11,5 K_2O: 1,025 Cu: 4,52 Zn: 4,7 B: 1,15 axit Humic: 100	
432	MĐ 95	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O\text{-}Cu\text{-}Zn\text{-}B$: 8,3-2,28-3,13-6,21-3,42-0,82	
433	NPS	%	N: 20 $P_2O_{5(hh)}$: 10 S: 10	Công ty trách nhiệm hữu hạn Nam Việt
434 - 441	NPKS	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O\text{-}S$: 16-16-8-13; 16-8-16-4; 14-8-6-1; 10-10-5-1; 20-15-15-7; 15-5-15-4; 7-10-3-3; 12-5-7-6	
442	RDA - ACP	%	$P_2O_{5(hh)}$:17 CaO:10	Công ty trách nhiệm hữu hạn Nông Sinh
443	H - 106 M	%	N: 0,025 K_2O: 6 Mg: 2,5	
444	HP - 206 G	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O\text{-}Ca\text{-}Mg$: 10-7,5-2,5-0,1-0,05	
445	Bioco (PSC 501)	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2,7-0,1-5,5 (Ca, Mg): 1,1 (Cu, Zn) > 2700	Công ty trách nhiệm hữu hạn Phú Sơn
446 - 448	NPKS	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O\text{-}S$: 16-16-8-13; 16-8-16-4; 20-15-15-7	Công ty Cổ phần Phân bón Năm Sao
449	Tổng hợp Sài Gòn	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3-6-4 Cu: 0,8 Zn: 0,8 B: 0,2 Mn: 0,2	Công ty Cổ phần phân bón Sinh hóa Củ Chi
450	NPK Sông Gianh	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 16-8-16 S: 5	Công ty Phân bón Sông Gianh
451	Dung dịch Thủy canh Thăng Long	g/l ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 25,75- 17,75- 49,40 Ca: 45,5 Mg: 12,2 S: 19,5 Fe: 379 Mn: 180 Cu: 62,5 Zn: 107 B: 160 Mo: 47,5	
452 - 466	NPKS Lâm Thao	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O\text{-}S$: 10-5-5-15; 10-5-10-8; 12-2-8-3; 10-20-6-6; 16-16-8-6; 10-10-10-10; 8-4-8-8; 8-4-4-7;	Công ty Supe phốt phát và hóa chất Lâm Thao

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

			6-20-10-6; 10-10-5-9; 10-2-10-3; 12-6-6-6; 5-10-3-13; 8-8-4-7; 12-2-12-11	
467	Bloom & Fruit	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-Cl-Ca-Mg: 6-19-1,4-0,1-0,2	Công ty trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Du lịch và Thương mại Tân Văn Lang
468 - 473	NPKX (MgO + CaO + S)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-(MgO+CaO+S): 14-8-6-3; 15-15-10-5; 20-15-15-7; 20-20-5-7; 20-20-15-7; 20-20-10-5	Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Tấn Hưng
474 - 478	NPK + trung lượng	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-Mg: 6-10-3-3; 7-7-7-3; 14-8-6-3; 15-15-6-4; 20-15-15-5	Công ty Thanh Bình
479 - 490	NPKX (MgO + CaO + S)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-(MgO+CaO+S): 5-10-10-5; 10-16-16-3; 11-7-14-26; 15-10-5-5; 15-15-7-9; 16-8-16-4; 16-8-16-5; 16-16-8-3; 16-16-8-13; 20-10-10-5; 20-15-15-7; 20-20-15-5	
491	Phức hợp NPK (12-18-15) + trung và vi lượng	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 12-18-15 (Ca, S) ≤ 32 (Zn, Cu, B) ≤ 4	Công ty trách nhiệm hữu hạn Thái Nông
492	Chế phẩm PENAC G	%	SiO_2: 99,2 Al_2O_3: 0,42 Fe_2O_3: 0,021 TiO_2: 0,03 K_2O: 0,11 Na_2O: 0,01 CaO: 0,02 MgO: 0,02	Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Thái Sơn
493	Chế phẩm PENAC K	%	SiO_2: 99,2 Al_2O_3: 0,42 Fe_2O_3: 0,021 TiO_2: 0,03 K_2O: 0,11 Na_2O: 0,01 CaO: 0,02 MgO: 0,02	
494	Chế phẩm PENAC P	%	SiO_2: 99,2 Al_2O_3: 0,42 Fe_2O_3: 0,021 TiO_2: 0,03 K_2O: 0,11 Na_2O: 0,01 CaO: 0,02 MgO: 0,019	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

495-496	NPKS	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O\text{-}S$: 16-16-8-13; 10-10-5-6	Công ty trách nhiệm hữu hạn phân bón Thành Phát
497-498	NPKS	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O\text{-}S$: 16-16-8-13; 10-10-5-5	Công ty trách nhiệm hữu hạn Phân bón Thiên Phúc
499	Neptun's Haverst Liquid Fish & Seaweed	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1,86-4,19-1,71 Mn: 1,4 Zn: 8,3 Na: 2,81 S: 0,45 Cu: 12,1 Ca: 2920 Mg: 344 Fe: 46	Công ty Unimex Hòa Bình
500	Aminomic	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3-5-3 axit salisilic: 0,2 B: 40 Mo: 30	Công ty Cổ phần Vật tư Bảo vệ thực vật
501	Atomin	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3-5-3 B: 40 Mo: 60	
502	Hợp chất dưỡng cây 108	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 4-8-4 B:30 Mo: 40	
503	Hợp chất dưỡng cây HQ 801	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 4-8-4 B: 40 Mo: 30	Công ty Cổ phần Vật tư Bảo vệ thực vật
504	Mirago	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 15-30-15 B: 0,02 Mo: 0,5	
505	Mirago cà phê	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 7-8-7 B: 0,02 Mo: 0,2	
506	Mirago nho	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2-3-8 B: 0,02 Mo: 0,2	
507	Mirago xoài	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2-2-2 B: 0,02 Mo: 0,2	
508	Mirago cây có múi	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 4-4-2 B: 0,02 Mo: 0,2	
509	Mirago thanh long	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2-3-6 B: 0,02 Mo: 0,2	
510	Mirago 6 đậu phụng	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2-5-5 B: 0,02 Mo: 0,05	
511	Mirago lúa	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6-8-6 B: 0,02 Mo: 0,2	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

512	Mirago 3 rau ăn lá	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 16-6-2 B: 0,02 Mo: 0,2	
513	Mirago 5 cây ăn trái	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 5-8-8 B: 0,02 Mo: 0,2	
514	Daccord 901 (40-5-5)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 40-5-5 Zn: 0,08 Mo: 0,001 Mn: 0,06 Co: 0,01 Cu: 0,025	Công ty Vật tư Nông nghiệp Cần Thơ
515	Daccord 902 (20-2,5-2,5)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 40-2,5-2,5 Zn: 0,04 Mo: 0,0005 Mn: 0,03 Co: 0,005 Cu: 0,025	
516	NPKS	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-S: 15-9-9-5	Công ty Vật tư Nông nghiệp Đồng Nai
517	Hỗn hợp NKS 11-25-7	%	N: 11 K_2O: 25 S: 7	Công ty Vật tư Nông nghiệp I Hải Phòng
518	Nitratode	%	N: 21 Ca: 69	Công ty Việt Nam Thành Công LĐ
519	NPKS	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-S: 18-5-10-8	
520	Folivex	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-S-Mg: 10-4-7-0,3-0,2	
521	Nitrofoska	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-S-Mg: 10-4-7-0,8-0,2	
522-523	NPKSMg	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-S-Mg: 18-3-10-8-1,2; 18-6-12-4-2	
524	Multiminerreles	%	Mg: 1 Ca: 1 Zn: 0,5 Mn: 0,5 Fe: 0,5 Cu: 0,5	
525-527	Tổng hợp NKS	%	N-K_2O-S: 10-31-12; 14-19-17; 7-40-8	CN Công ty Thương mại & CGCN Hà Nội
528	Alpha 909	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 9-8-6 Mg: 0,06 Mn: 0,016 Cu: 0,008 B: 0,009	Cơ sở Nông dược Tân Hùng
529	Master-Gro (15-30-15)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 15-30-15 Mn: 0,15 Mo: 0,0005 B: 0,02 Cu: 0,05 Fe: 0,05 Zn: 0,05	Cơ sở phân bón Sinh Khoáng Hưng Thịnh
530	Master-Gro (10-52-10)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 10-2-10 Mn: 0,05 Mo: 0,005 B: 0,02 Cu: 0,05 Fe: 0,05 Zn: 0,05	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

531	Vi lượng Bimazin	%	Mg: 2,73 B: 0,31 Zn: 11,8	Cơ sở phân vi lượng Khánh Hòa
532	FERVIHA (15-8-4)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 15-8-4 Mg: 0,05 Zn: 0,01 Cu: 0,05 Ca: 0,1 Fe: 0,1	Cơ sở sản xuất và gia công phân bón Việt Hà
533	FERVIHA (6-12-6)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 6-12-6 Mg: 0,05 Zn: 0,05 Cu: 0,05 Ca: 0,15 Fe: 0,1	
534	FERVIHA (2-25-25), kích thích ra hoa	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 2-25-25 Mg: 0,01 Zn: 0,05 Cu: 0,05 Ca: 0,15 Fe: 0,1	
535 - 536	NPKS	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-S: 16-16-8-13; 10-10-5-5	Doanh nghiệp tư nhân Lâm Bưu
537	Calmag	%	N: 13 CaO: 17 MgO: 6	Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Tân Quy
538	Calnit	%	N: 15 Ca: 19	
539	Magnisal; Magnit 6	%	N: 11 Mg: 5	
540	Natural Nitrate	%	N: 16 Na: 26 B: 0,01	
541	Sulfur coated urea	%	N: 35 S: 20	
542	Super KNO_3 + Mg	%	N: 11 K_2O: 40 Mg: 4	
543	Terra Firma	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$-S-Ca: 10-3-9-5-1	
544	Terra Firma	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 10-6-3 Ca: 1,7 S: 5,5 B: 0,15 Zn: 0,01 Mn: 0,009 Cu: 0,013	
545	Terra Firma	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 5-5-6 S: 6,5 Ca: 1,5 Mg: 0,2 Cu: 0,013 Fe: 0,01 Mn: 0,009 Zn: 0,01 B: 0,15	Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Tân Quy
546	Terra Firma	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 11-4-8 S: 8 Ca: 1,5 Cu: 0,01 Mn: 0,004 Fe: 0,07 Mg: 0,34 Zn: 0,525l B: 0,169	
547	Granusol Rice Mix	%	S: 7 Zn: 18 Fe: 12 Mn: 1	
548	Granusol Fruit & Vagetable	%	Fe: 10 Mn: 8 Zn: 7,5 Cu: 4 B: 1	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

549 - 559	NPKS	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O\text{-}S$: 16-16-8-13; 15-2-15-5; 15-2-10-3; 10-10-5-5; 15-15-8-10; 18-10-6-10; 16-6-8-10; 16-8-16-10; 15-15-5-5; 5-10-3-10; 5-8-5-5	Doanh nghiệp Tiến Nông Thanh Hóa
560	Đa vi lượng HUĐAVIL	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 20 (Ca, Mg, Si): 30 (Cu, Zn, B, Cl, Mn, Mo, Co): 5	Liên hiệp KHSX CN Hóa học - Viện hóa học các HCTN
561	Link	%	MgO: 1,5 Mn: 1 Zn: 1	Nhà Máy Feng Hsin Đài Loan
562	Hỗn hợp dinh dưỡng cho cây trồng	%	$ZnSO_4$: 22 CaO: 2 $CuSO_4$: 3,2 $MgSO_4$: 17 $MnSO_4$: 7,3 NaB_4O_2: 7 $(NH_4)_2SO_4$: 6 $(NH_4)_2HPO_4$: 8	Phòng Nông nghiệp Cai Lậy
563	VCC	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O\text{-}S\text{-}Mg\text{-}Cu$: 6-6-6-12-4-1	Trung tâm Nghiên cứu Bông
564	PBĐ1- chuyên dùng cho chè	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 5,1-7,7-5,1 Zn: 0,05 Mn: 0,05 muối RE dễ tan: 0,15	Viện Công nghệ Xạ hiếm
565	ACA	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 4,6-11-13 Mg: 2,2	Viện Nghiên cứu DTV Tinh dầu Hương liệu MP
566	Aca-Komix	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3,2- 7,7- 9,1 MgO: 1,54	
567	Vi lượng hỗn hợp tăng trưởng cây trồng	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-2-1 S≥14 Cu≥3 Zn≥4 Mg≥2,5 Mn≥0,3 B≥1 Mo≥0,01	Viện QH Thiết kế Nông nghiệp
568	NKS 12-22-14	%	N: 12 K_2O: 22 S: 14	Xí nghiệp tập thể Thương binh An Hòa (Hải Phòng)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

III. Phân vi sinh:

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
1	Hữu cơ vi sinh	% CFU/g	$P_2O_{5(hh)}$: 2,8 Mùn: 10 Axit Humic: 2 $VSV_{(N,P)}$: 1.10^7 mỗi chủng	Công ty Hóa chất Quảng Bình
2	Hữu cơ vi sinh	% CFU/g	HC: 13 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 1-1,5-0,5 $VSV_{(N,P)}$: 1.10^6 mỗi chủng	Công ty Hoàng Thành, Đắk Lắk
3	Komix vi sinh vi lượng	% ppm CFU/g	HC: 15 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 1-3-1 (Ca, Mg): 4 Zn: 4.100 Cu: 2000 B: 1000 Mn: 1900 $VSV_{(P)} \geq 1.10^6$	Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Thiên Sinh
4	Komix BL2	% ppm CFU/g	HC: 20 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 1-3-1 Mg: 1 (Zn, Mn): 300 $VSV_{(P)} \geq 1.10^6$	
5	Lân hữu cơ vi sinh KOMIX	% ppm CFU/g	HC: 15 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 1-4-1 (Ca, Mg): 3 Mn: 300 Cu: 50 Zn: 200 B: 50 $VSV_{(P)} \geq 1.10^6$	
6	VSV CĐ N cây họ đậu	CFU/g	Rhizobium > 5.10^6	Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam
7	VSV CĐ N cho lúa	CFU/g	(Azotobacter, Azospirillum, Flavobacter, Bacillus) > 5.10^6	
8	Vi sinh HĐAVIL	% CFU/g	HC: 13 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 6 (Cu, Zn, B, Cl, Mn, Mo, Co) ≥ 1 $VSV_{(N,P,X)}$: 1.10^6 ~1.10^7 mỗi chủng	Liên hiệp KHSXCN Hóa học - Viện hóa học các HCTN

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

IV. Phân hữu cơ vi sinh

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
1	Vi sinh tổng hợp Biomic - C	% CFU/g	HC: 28 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 3-1,5-1,5 axit Humic: 2 Vi khuẩn Azotobacter: 1.10^6	Công ty Cổ phần Phân bón Hóa sinh Củ Chi
2	Omix	% CFU/g	HC: 37,5 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 0,6-2,4-0,13 axit Humic: 6,3 $VSV_{(p)}$: $1,8.10^8$	Cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ Long Khánh
3	HN 2000	% ppm CFU/g	HC: 23 axit Humic: 5 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 3-1-1 CaO: 1,5 MgO: 1,2 Zn: 0,05 Mo: 1 Cu: 70 B: 12,5 Mn: 26,1 $VSV_{(x)}$: 10^6~10^8 $VSV_{(p)}$: 10^6~10^8	Liên hiệp KHSXCN hóa học - Viện hóa học các HCTN- TT KHTN&CNQG
4	HUĐAVIL	% CFU/g	HC: 23 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 3 $VSV_{(NPX)}$: 3.10^6~10^7 mỗi chủng	Liên hiệp KHSXCN Hóa học - Viện hóa học các HCTN

V. Phân hữu cơ sinh học:

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
1	S-AMI	%	HC: 65,3 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 4,5-0,7-0,4	Công ty Ajnomoto Việt Nam

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

2	Vedagro	%	HC ≥ 23 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O \geq 3,8\text{-}0,1\text{-}1,8$	Công ty Cổ phần Hữu hạn VedanViệt Nam
3	Hữu cơ Compost ASC	%	HC ≥ 30 axit Humic: 15	Công ty Cổ phần An Sinh
4	Hữu cơ Super Compost ASC	%	HC ≥ 40 N: 2,7 axit Humic: 20	
5	Hữu cơ hỗn hợp lân sinh hóa	%	HC: 22,5 $P_2O_{5(hh)}$: 3,2	Công ty trách nhiệm hữu hạn Phân hữu cơ Bình Dương
6	Hữu cơ sinh học Thiên Nông - Bình Nguyên	% CFU/g	HC ≥ 23 P_2O_{5ts} > 3 $P_2O_{5(hh)}$ > 1,5 axit humic > 2 $VSV_{(X)}$: 1.10^6	Công ty trách nhiệm hữu hạn Bình Nguyên (Hà Nội)
7	DAMIX (bón lót)	%	HC: 25 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1-4-1	Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và kinh doanh phân bón DAMIX
8	DAMIX (bón thúc)	%	HC: 25 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 5-3-5	
9	Hữu cơ TTM01	%	HC: 41 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1,0-1,7-0,2	Công ty trách nhiệm hữu hạn Nông lâm Đài Loan
10	Grow More 30-6-6; Flower & Bloom 3-6-6	% ppm	C ≥ 42 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3-6-6 axit Amin: 25,32 (Ca, Fe, Cu, Zn, S, Mg, Mn) ≥ 8.000	Công ty trách nhiệm hữu hạn Đạt Nông
11	Grow More 6-3-3; Palm Food 6-3-3	% ppm	C ≥ 42 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6-3-3 axit Amin: 42,12 (Ca, Fe, Cu, Zn, S, Mg, Mn) > 8.000	

12	Grow More 5-5-5; All Purpose Soil Builder 5-5-5	% ppm	C ≥ 42 $N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 5-5-5 Axit Amin: 31,72 (Ca, Fe, Cu, Zn, S, Mg, Mn) > 8.000	
13	Grow More 8-2-2; Lawn Food 8-2-2	% ppm	C ≥ 42 $N-K_2O$-Ca: 8-2-2 Axit Amin: 50,53 (Ca, Fe, Cu, Zn, S, Mg, Mn) > 8000	
14	Grow More 4-5-3; Fruit & Vegetable 4-5-3	% ppm	C ≥ 42 $N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 4-5-3 Axit Amin: 32,56 (Ca, Fe, Cu, Zn, S, Mg, Mn) > 8000	
15	Hưng Nông - R	%	HC ≥ 25 $N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 5-5-5 Mg: 0,03 Ca: 2 Fe: 0,1 Zn: 0,05 Cu: 0,05 Mn: 0,03	Công ty trách nhiệm hữu hạn Hưng Nông
16	Hữu cơ tổng hợp	%	HC: 80 $N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 6	Công ty Hỗ trợ Phát triển Công nghiệp
17	Hữu cơ Risopla V	% ppm	HC: 40 ~ 50 S: 1,5 (Cu, Zn, Mg, Co): 500 ~ 1000	Công ty trách nhiệm hữu hạn May thêu Thương mại Lan Anh
18	Canh nông	%	HC: 23 $N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 3	Công ty trách nhiệm hữu hạn Luân Thiên
19	POKASHI sinh học	%	HC: 23 $N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 1.1.1	Công ty trách nhiệm hữu hạn Mặt Trời Xanh
20	Cromix	%	HC: 35,2 $N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 1-1-3,8 B: 1,2 Zn: 0,8 Fe: 0,2 Mn: 1,5	Công ty NICOTEX
21	Lân hữu cơ sinh học	%	HC: 23,5 $P_2O_{5(hh)}$: 3,2 Axit Humic: 5,6	Công ty phân bón Sông Gianh

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

22	Hữu cơ sinh học vi lượng Hồng Lam	% ppm CFU/g	HC ≥ 23 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1,5-1,5-1,5 (Cu, B, Zn) > 1000 $VSV_{(p)}$: 5.10^7 $VSV_{(N)}$: 7.10^6	Công ty trách nhiệm hữu hạn Tân Hồng Lam
23	Hữu cơ hỗn hợp	%	HC: 23 $P_2O_{5(hh)}$: 3,2	Công ty trách nhiệm hữu hạn Phân bón Thành Phát
24	VK (6-5-5)+ CaO	%	HC: 26 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6-5-5 Axit Humic: 6 CaO: 8 MgO: 0,5 S: 1,5	Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Viễn Khang
25	Hữu cơ viên	%	HC: 25 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 0,5-0,5-0,5	Công ty Vật tư KTNN thành phố Hồ Chí Minh
26	Hữu cơ tổng hợp Tiền Giang	% ppm	HC ≥ 25 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3-2-1 (Mo, B, Cu, Zn): 1.200	Công ty Vật tư Nông nghiệp Tiền Giang
27	Hữu cơ vo viên	%	HC > 28 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1,5-1,2-1,5	Công ty Xuất nhập khẩu Nông lâm hải sản (AGRIMEXCO)
28	Hữu cơ vi lượng Sông Lam	% ppm	HC ≥ 23 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1-0,5-0,5 MgO: 0,5 CaO: 0,5 (Mo, B, Cu, Zn) > 1000	Công ty Xuất nhập khẩu Vật tư kỹ thuật - REXCO
29	Hữu cơ phối trộn lân	%	HC: 30 $P_2O_{5(hh)}$: 4	Cơ sở Sản xuất phân Nông nghiệp
30	Hữu cơ dạng hạt	%	HC ≥ 28 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1,5- 1,2- 1,5	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

31	Phú Nông 99 - 1	%	HC: 23,0~24,0 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 0,5-0,6-0,1 Axit Humic: 4,99 (Fe, Cu, Mn, Co): 0,93	Cơ sở Sản xuất phân bón Hữu cơ sinh học Phú Nông Kiên Giang
32	Hữu cơ Sài Gòn CT1	%	HC: 24 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1-4-1 Ca: 2 Mg: 2 S: 2 Zn: 1 Mn: 0,2 B: 0,1 Mo: 0,2	Cơ sở Phân bón sinh hóa hữu cơ Sài Gòn
33	Hữu cơ Sài Gòn CT3	%	HC: 24 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1-1-1 (Ca, Mg, S): 3	
34	Hữu cơ Sài Gòn HQ1	%	HC: 24 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3-3-3 Ca: 1 Mg: 1 S: 1 Zn: 1 Mn: 0,2 B: 0,1 Mo: 0,2	
35	Hữu cơ Sài Gòn HQ2	%	HC: 24 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3-2-3 Ca: 1 Mg: 1 S: 1 Zn: 2 Mn: 0,6 B: 0,2 Mo: 0,2	
36	Hữu cơ Sài Gòn HQ3	%	HC: 24 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 4-2-2 Ca: 1 Mg: 1 S: 1 Zn: 1 Mn: 0,2 B: 0,1 Mo: 0,2	
37	Lân hữu cơ sinh học Sài Gòn	%	HC: 24 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1-2,5-0,5 (Ca, Mg, S): 3	
38	Hữu cơ - cá Sao Mai	%	HC ≥ 25 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2-3-0,5 Protein: 13 Na ≤ 5	Cơ sở Phân hữu cơ cá Sao Mai
39	Hữu cơ Suối Tre	%	HC: 28 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2,60-3,81-1,52	Cơ sở Phân bón Suối Tre
40	Hữu cơ hỗn hợp Thanh Phúc	%	HC: 25,7 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3,7-2-5-6,5	Cơ sở Sản xuất phân hữu cơ Thanh Phúc
41	Hữu cơ hỗn hợp	%	HC > 28 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1,5-1,2-1,5	Cơ sở Sản xuất phân Thủ Đức
42	Hữu cơ vo viên	%	HC > 28 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1,5-1,2-1,5	
43	Khoáng hữu cơ	%	HC ≥ 23 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2-6-1	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

44	Hỗn hợp - hữu cơ trộn lân	%	HC: 28 $P_2O_{5(hh)}$: 4 $P_2O_{5\ ts}$: 7	Cơ sở Tiến Nông thành phố Hồ Chí Minh
45	Hỗn hợp hữu cơ	%	HC: 28 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 1,5-1,2-1,5	
46	Hữu cơ sinh học TN	% CFU/g	HC: 23 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 1-3-1 axit Humic: 1,5 $VSV_{(x)}$: 1 x 10^6	DN Tiến Nông Thanh Hóa
47	Sinh hóa hữu cơ	%	HC: 23 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 2,5-1-1 axit Humic: 1	DN Tiến Nông Thanh Hóa
48	Tổng hợp sinh học	%	HC: 40 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 15-20-14	Viện Hóa học - TTKH TN Công nghệ Quốc gia
49	Tổng hợp sinh học	%	HC: 40 Ure: 15 Lân: 20 Kali: 14	
50	Khoáng hữu cơ	%	HC: 23 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 1-2-3	Xí nghiệp Phân bón Trí Dũng Bắc Giang

VI. Phân hữu cơ khoáng

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
1	Hữu cơ TULIP 1	%	C: 15 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 5-5-5	Công ty M-Power Development Private Ltd
2	Hữu cơ TULIP 2	%	C: 33,7 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 5-5-5	
3	Bimix 6-8-6 hữu cơ khoáng, vi lượng	% ppm	HC: 21 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 6-8-6 Mg: 200 Cu: 250 Fe: 100 Mn: 300 Zn: 200 B: 150 Mo: 50	Công ty Cây trồng Bình Chánh
4	Bimix hữu cơ khoáng	% ppm	HC: 40 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 3-5-3 Cu: 300 Fe: 100 Mn: 400 Zn: 200 B: 100	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

5	HQ 909	% ppm	HC: 18 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-5-5 Mg: 200 Fe: 50 Mn: 350 Zn: 300 B: 300 Mo: 100	
6	Hữu cơ động vật Vườn xanh	% ppm	HC: 40 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2,5-1,5-1 (S, Ca, Mg, Fe, Mn, Zn, Cu, B, Mo) > 1.600	Công ty Đầu tư Thương mại Quốc Tế
7	Hữu cơ tổng hợp	%	HC: 22,1 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2,5-3,5-5	Công ty Dệt - phân bón Đức Giang
8	Hữu cơ Phú Điền 1	% ppm	HC ≥ 20 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3-3-3 (Ca, Mg, S): 1 (Mo, B, Cu, Zn): 1.500	Công ty Địa Chất và Khoáng sản (GEOSIMCO)
9	Đạm - lân - hữu cơ	%	HC: 15 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 4-5-2 (Zn, Ca, Mn, Fe, B): 2	Công ty Hóa sinh và Phát triển công nghệ mới (Vihitesco)
10	Hữu cơ tổng hợp HC1	%	HC: 20 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2,5-2,5-1,5	Công ty trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Hoàng Hậu
11	Hữu cơ sinh học Hưng Nông - G	%	HC ≥ 20 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6-3-3 Mg: 0,15 Ca: 1,5 Fe: 0,15 Zn: 0,05 Cu: 0,045 Mn: 0,02	Công ty trách nhiệm hữu hạn Hưng Nông
12	ORGANMIX	%	HC ≥ 15 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$ ≥ 3-3-2 axit humic ≥ 1	Công ty trách nhiệm hữu hạn Quốc tế Khánh Sinh
13	Hữu cơ khoáng tổng hợp 3-5-1	%	HC ≥ 13 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$ ≥ 3-5-1	Công ty trách nhiệm hữu hạn Lam Sơn
14	Khoáng hữu cơ vi lượng Mekofa 999B	%	HC: 15 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 8-5-5 Mg: 0,1	Công ty Phân bón miền Nam

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

15	HVP 301 B bón lót	%	HC: 20 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 3-3-2	Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh
16	Hữu Cơ HVP 401B (chuyên cà phê)	% ppm	HC: 18 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 7-3-4 Ca: 4 Mg: 2 Fe: 760 Cu: 160 Zn: 140 Mn: 90 B: 50	
17	Hữu Cơ HVP 401B (chuyên tiêu)	% ppm	HC: 18 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 4-2-5 Ca: 4 Mg: 2 Fe: 760 Cu: 160 Zn: 140 Mn: 90 B: 50	
18	Hữu cơ HVP 401B (dùng cho các loại cây trồng)	% ppm	HC: 18 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 3-2-1 Ca: 3 Mg: 2 Fe: 460 Cu: 160 Zn: 140 Mn: 90 B: 50	
19	Khoáng hữu cơ	%	HC: 20~25 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 2-6-1	Công ty Xuất nhập khẩu Nông lâm hải sản (AGRIMEXCO)
20	Hữu cơ Dynamix Lifter	% ppm	HC: 39,19 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 3-2,5-1,6 S: 1 Ca: 7 Mg: 1 Fe: 1600 Mn: 580 Zn: 310 Cu: 40 B: 10 Mo: 3	
21	DEMAX số 1	%	HC: 20 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 2,5-2,5-2,5 CaO: 0,5 Mg:0,2 S: 0,3 Cu: 0,01 Fe: 0,01 Zn: 0,01 Mn: 0,01 B: 0,001 Mo: 0,01	Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Phước Hưng
22	DEMAX số 2	%	HC: 20 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 6-5-3 CaO: 1 Mg: 0,4 S: 0,1 Cu: 0,001 Fe: 0,001 Zn: 0,001 Mn: 0,001 B: 0,001 Mo: 0,001	Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Phước Hưng
23	DEMAX số 3	%	HC: 20 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 1-5-1 CaO: 1 Mg: 0,5 S: 0,5 Cu: 0,001 Fe: 0,001 Zn: 0,001 Mn: 0,001 B: 0,001 Mo: 0,001	
24	DEMAX số 4; Orga Demax	%	HC: 22,4 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 2-0,5-0,5 Ca: 2,15 Mg: 1,32	
25	Hữu cơ SOLA	%	HC: 25 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 6-8-5	Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất Thương mại dịch vụ Sơn Lâm

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

26	NPK Sông Gianh	%	HC: 20	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 10-5-5			Công ty Phân bón Sông Gianh
27	NPK Sông Gianh	%	HC: 20	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 10-5-10			
28	Khoáng hữu cơ 5.5.5.20M	%	HC: 20	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 5-5-5			Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Dịch vụ Tấn Hưng
29	Sinh hóa hữu cơ Green Field	%	HC: 20,4	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 3,2-2,3-3,0			Công ty trách nhiệm hữu hạn Thái Phong
30	Khoáng Hữu cơ lân 0.8.0	%	HC: 40	H_3PO_{4hh}: 8			Công ty Thanh Bình
31	Phân bón hỗn hợp 3.3.3.40	%	HC: 40	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 3-3-3			
32	Komix BT1	%	HC:15	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 4-4-5	Mg: 1		Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Thiên Sinh
		ppm	Zn: 200	Mn: 300	B: 50	Cu: 50	
33	Komix BT2	%	HC: 15	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 5-5-5	(Ca, Mg): 4		
		ppm	Zn: 200	Mn: 300	B: 80	Cu: 20	
34	Komix BT3	%	HC: 15	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 6-2-4	(Ca, Mg): 2,2		
		ppm	B: 100	Cu: 50	Zn: 200	Mn: 300	
35	Komix CF	%	HC: 15	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 6-4-6	Mg: 2		
		ppm	Zn: 200	Mn: 300			
36	Komix CN	%	HC: 15	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 6-3-3	(Ca, Mg): 3		
		ppm	B: 50	Cu: 20	Zn: 130	Mn: 300	
37	Komix CSCB	%	HC: 15	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 5-5-3	(Ca, Mg): 4		Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Thiên Sinh
		ppm	Mn: 900	Zn: 200	B: 80	Cu: 20	
38	Komix K	%	HC: 20	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 3-4-2	(Ca, Mg): 2,5		
		ppm	Zn: 80	B: 70	Fe: 20	Cu: 10	Mn: 70

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

39	Komix PN	% ppm	HC: 15 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 1,5-3-3 (Ca, Mg): 3 B: 50 Cu: 20 Zn: 130 Mn: 300	
40	Komix TB	% ppm	HC: 15 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 2-3-5 (Ca, Mg): 500 B: 100 Cu: 150 Zn: 250 Mn: 1.000	
41	Komix TEA (P)	% ppm	HC: 15 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 6-2-3 (Ca, Mg): 500 B: 200 Cu: 150 Zn: 100 Mn: 400	
42	Komix RC	% ppm	HC: 15 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O.Mg: 5-3-2-1,5 B: 50 Cu: 50 Zn: 200 Mn: 600	
43	Hữu cơ sinh học Humix	% ppm	C: 10 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 2,5-3-1,5 (Mn, Zn, Mo, Cu): 1.500	Công ty Dịch vụ Từ Liêm Hà Nội
44	Hữu cơ khoáng Tiền Giang (5-5-2)	% ppm	HC ≥ 20 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 5-5-2 (Mo, B, Cu, Zn): 1.200	Công ty Vật tư Nông nghiệp Tiền Giang
45	Hữu cơ khoáng Tiền Giang (3-3-5)	% ppm	HC ≥ 20 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 3-3-5 (Mo, B, Cu, Zn): 1.200	
46	Hữu cơ khoáng Tiền Giang (8-2-2)	% ppm	HC ≥ 20 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 8-2-2 (Mo, B, Cu, Zn): 1.200	
47	Hữu cơ khoáng vi lượng VK1	% ppm	HC: 22 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 6-2-2 CaO: 8 MgO: 0,5 S: 1,5 axit Humic: 6 (Cu, Fe, Zn, Mn) > 2000	Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Viễn Khang
48	Hữu cơ khoáng vi lượng VK2	% ppm	HC ≥ 20 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 3-2-2 CaO: 8 MgO: 0,5 S: 1,5 axit Humic: 6 (Cu, Fe, Zn, Mn) > 2.000	
49	Hữu cơ NPK	%	HC: 67 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 5-10-3	CN Chuyển giao Công nghệ Hà Nội
50	Hữu cơ COVAC	%	HC: 20 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 2-4-2	Cơ sở Sản xuất phân bón Covac
51	Hữu cơ COVAC-L	%	HC: 20 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 6-3-2	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

52	Hữu cơ khoáng Phú Hưng (dạng bột)	%	HC: 16 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2,5-2,5-2,5	Cơ sở phân bón lá Phú Hưng
53	Hữu cơ khoáng Phú Hưng (dạng viên)	%	HC: 16 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2,5-2,5-2,5	
54	Hữu cơ -Khoáng Famix	%	HC: 23 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 4-8-3	Cơ sở Sản xuất Phân bón Hữu cơ - Khoáng Tổng hợp Phương Đông
55	Khoáng hữu cơ Famix	%	C: 8 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-5-10 Mg: 2 Zn: 2 Fe: 0,5 B: 0,5 Ca: 0,5 Cu: 0,2	
56	Hữu cơ khoáng	%	HC: 15 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3-2-3	Doanh nghiệp Tiến Nông Thanh Hóa
57	Hữu cơ - Khoáng tổng hợp Giải Phóng	%	HC: 22 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1,4-2,8-0,6	Hợp tác xã Công nghiệp Giải Phóng
58	Hữu cơ đa vi lượng HUĐAVIL	%	HC ≥15 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 11 (Cu, Zn, B, Cl, Mn, Mo, Co) > 0,1	Liên hiệp KHSXCN Hóa học - Viện Hóa học các HCTN
59	Khoáng hữu cơ hỗn hợp Bình Dương	%	HC: 20 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3-4-3 Axit Humic: 2	XN Sản xuất và kinh doanh phân bón Hòa Bình
60	Tổng hợp NPK Hiến Nông	%	HC: 15 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 7-4-7	Xưởng phân bón tổng hợp - Đại học Nông Lâm Thái Nguyên
61	Tổng hợp NPK Hiến Nông	%	HC:15 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-5-10	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

VII. Phân bón lá:

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
1	BON (chuyên dùng cho xoài); RABON; NYEN 903	%w/w	Thiourea 99	Công ty trách nhiệm hữu hạn Hóa Nông HAGROCHEM; Công ty Map Pacific (tại thành phố Hồ Chí Minh); Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất thương mại Ngọc Yến
2	ASAHI STAR	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 8-7-8 B_2O_3: 0,5 MnO: 0,05 Fe: 0,1 Cu: 0,01 Zn: 0,01 Mo: 0,5 Spreader: 0,25	Công ty ASAHI Chemical MFG.Co.Ltd
3	BASFOLIAR COMBI STIPP	%	N: 9 CaO: 15 Mn: 0,4 B: 0,2 Zn: 0,01	BEHN MEYER&CO (PTE) LTD Việt Nam
4	BASFOLIAR K	%	N: 10 K_2O: 35 MgO: 5 Zn: 3	
5	NITROPHOSKA FOLIAR (25-10-17,5+TE)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 25-10-17,5	

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
6	NITROPHOSKA RED (13-13-21)	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 13-13-21 CaO: 4,5 MgO: 4,05 S: 2 Mn: 120 Zn: 110 Fe: 2200	
7	BIOMAX	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 12-4-8 Ca: 800 Mg: 900 Fe: 130 Cu: 30 Zn: 700 Mn: 200	Công ty BOLY CORPORATION tại thành phố Hồ Chí Minh
8	DÔ-1	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 2-10-4 Ca: 1700 Mg: 350 Fe: 80 Cu: 20 Zn: 60 Mn: 70	
9	DÔ-2	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 6-6-6 Ca: 1400 Mg: 900 Fe: 140 Cu: 35 Zn: 350 Mn: 200	
10	DÔ-3	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 10-5-5 Ca: 2700 Mg: 1200 Fe: 150 Cu: 40 Zn: 500 Mn: 200	
11	DÔ - Đặc biệt	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 8-8-8 Ca: 400 Mg: 600 Fe: 120 Cu: 20 Zn: 400 Mn: 150	Công ty BOLY CORPORATION tại thành phố Hồ Chí Minh
12	Omex Micromax; Maxi vi lượng	%	MgO: 1,3 S: 1,82 Fe: 2,6 Zn: 2,6 Mn: 1,95 B: 0,97 Cu: 0,33 Mo: 0,03	
13	Omex Calmax; Hi canxi	%	N: 15 CaO: 22,5 MgO: 3 Mn: 0,15 Fe: 0,075 B: 0,075 Cu: 0,06 Zn: 0,03 Mo: 0,0015	
14	Omex Phortify (DP98)	%	$P_2O_{5(hh)}$: 37 K_2O: 25 ZN (EDTA): 0,2 Mn (EDTA): 0,2	
15	Omex Bio 8 (rOn)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 20-20-8 MgO: 1,7 Mn: 0,0625 Fe: 1,75 Zn: 0,9 Cu: 0,0625 B: 0,008 Mo: 0,008 Co: 0,0008	
16	Omex Foliar 3X	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 24- 24-18 MgO: 1,5 Mn: 0,08 Fe: 0,1625 B: 0,0325 Cu: 0,08 Zn: 0,08 Mo: 0,0012 Co: 0,001	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
17	Omex Kelpak; Cytoxin	g/l mg/l	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3,6-8,2-7,2 CaO: 800 MgO: 200 S: 0,64 Mn: 8,4 Fe: 13,6 Cu: 0,2 Zn: 4,2 B: 0,24 Mo: 0,38 Co: 0,3 Ba: 9,0 Protein: 3,0 Vitamin≥20	
18	BIONATURE-NEW	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2,5-0,66-0,98 Ca: 0,088 Zn: 0,12 Mg: 0,027 Fe: 0,008 Cu: 0,016 B: 0,001 Mn: 0,059 SO_4^{2-}: 0,71	Công ty HUP AIK HUAT TRADING PTE LTD (SINGAPORE)
19	KING	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 15-6-5 B: 0,5 Fe: 0,1 Cu: 0,05 Mo: 0,1 đường: 3,0 Axit hữu cơ: 2,0	Công ty ITOCHU Chemical inc
20	Mayfolan Liquid Foliar Fertilizer	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 11-8-0 S: 0,025 MgO: 0,053 Fe: 0,0186 Cu: 0,0042 B: 0,0042 Mo: 0,0006	Công ty MITSUI và Co-Ltd
21	Profix Enzyme Green	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3-1-5 S: 0,8 Mg: 1,5 Cu: 0,2 Zn: 0,8 axit Amin: 0,1	
22	Pro NPK 15-30-15+TE	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 15-30-15 MgO: 0,125 S: 4,71 Fe: 0,013 Mn: 0,011 Cu: 0,003 Zn: 0,017 B: 0,007 Mo: 0,0018	Công ty MITSUI và Co-Ltd
23	Pro NPK 30-20-10+TE	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 30-20-10 MgO: 0,05 S: 0,082 Fe: 0,017 Mn: 0,008 Cu: 0,003 Zn: 0,015 B: 0,03 Mo: 0,001	
24	Pro NPK 12-22-32+TE	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 12-22-32 MgO: 0,03 S: 0,13 Fe: 0,03 Mn: 0,022 Cu: 0,007 Zn: 0,03 B: 0,07	
25	Pro NPK 6-32-32+TE	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6-32-32 MgO: 0,03 S: 0,13 Fe: 0,03 Mn: 0,017 Cu: 0,007 Zn: 0,03 B: 0,07	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
26	Bud Booster	%w/w	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 5-5-5 Mg: 1 B: 5 Zn: 10	Công ty Phosyn PLC (Anh Quốc)
27	Caltrac	%	Ca: 40	
28	Cinbat	%	Ca: 5 B: 0,5	
29	Bortrac	%	B: 10,9 (150g/lít)	
30	Hydrophos; Magphos K	%	$P_2O_{5(hh)}$: 29,7 K_2O: 5 MgO: 6,7	
31	Kamax	%	K_2O: 50	
32	Micropholate	% %w/w	N-Mg: 6- 4,8 I: 1,5 Mn: 4 Fe: 3 Cu: 1 Zn: 1 B: 0,6 Co: 0,06 Mo: 0,06	
33	Multipholate	% %w/w	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 20-8-14 Mg: 2 I: 1,5 Mn: 0,26 Cu: 0,2 Zn: 0,14 B: 0,04 Fe: 0,02 Mo: 0,006	
34	Seniphos	%	N: 3 $P_2O_{5(hh)}$: 23,6 Ca: 3	
35	Solu Spray 10-45-10	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 10-45-10	
36	Solu Spray 10-55-10	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 10-55-10	
37	Solu Spray 9-15-32	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 9-15-32	
38	Solu Spray 7-5-44	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 7-5-44	
39	Solu Spray 20-20-20	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 20-20-20	Công ty Phosyn PLC (Anh Quốc)
40	Solu Spray 12-26-26	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 12-26-26	
41	Zintrac	%	Zn: 40 (700 g/lít)	
42	Zinphos	%	$P_2O_{5(hh)}$: 43 K_2O: 7,7 Zn: 14	
43	K-Humate	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 5-5-5 Humat: 18	Công ty Vinacal-USA
44	Organic-Humat Plus	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 8-8-6 Humat: 5	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
45	YOGEN 6	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 8-8-6 (Ca, Mg, S) ≥ 15	Công ty YOGEN MITSUI VINA
46	YOGEN 8	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 14-8-6 (Ca, Mg, S) ≥ 15	
47	YOGEN 10	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 15-5-15 (Ca, Mg, S) ≥ 15	
48	YOGEN 12	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 16-16-8 (Ca, Mg, S) ≥ 15	
49	YOGEN 14	%	N: 11 K_2O: 40 MgO: 40	
50	YOGEN 16	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 7-5-44 (Ca, Mg, S) ≥ 15	
51	YOGEN 18	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 21-21-21 (Ca, Mg, S) ≥ 15	
52	YOGEN 20	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6-30-30 (Ca, Mg, S) ≥ 15	
53	YOGEN 22	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-50-10 (Ca, Mg, S) ≥ 15	
54	Agro-Feed	%	Mg: 4,1 Ca: 3,94 Mn: 1,18 Zn: 1,35 B: 1,05 S: 3	Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại ACP
55	Boron (Bopower)	%	B: 15	
56	Calcium-Boron (Boplus)	%	Ca: 12 B: 4	
57	Number One	%	MgO: 9,0 Mn: 4,0 Fe: 4,0 S: 3,0 Cu: 1,5 Zn: 1,5 B: 0,5 Mo: 0,1 Co: 0,005	
58	Agriconik	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 0,1- 0,2- 0,04 Mg: 5 Zn: 0,2 Cu: 0,04 Fe: 5 Mn: 0,2 B: 0,02	Công ty An Bình
59	Plantafol	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 30-10-10	Công ty trách nhiệm hữu hạn An Nông
60	Plantafol	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 15-30-15	
61	Plantafol	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 20-20-20	
62	Plantafol	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 15-15-30	
63	Plantafol	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-60-10	
64	Plansuper	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 16-16-8	
		ppm	(Fe, Cu, Zn, Mn, B, Mo): 1000	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
65	Plansuper	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 14-8-6 (Fe, Cu, Zn, Mn, B, Mo): 1000	
66	Plansuper	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 8-8-6 (Fe, Cu, Zn, Mn, B, Mo): 1000	
67	Super ASC	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 5-3-2	Công ty Cổ phần An Sinh
68	AMINOFIT™	% ppm mg/l	N: 0,22 Zn: 10000 Mn: 5000 B: 5000 MgO: 30 CaO: 170 Co: 0,03 Cu: 0,25 Fe: 2 Mo: 0,12 axit Amin: 835	Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Bảo Liêm
69	AMINOFIT-EXTRA™	% ppm mg/l	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 1,20-0,60-1,0 Zn: 10000 MgO: 30 CaO: 170 Co: 0,03 Cu: 0,25 Fe: 2 Mo: 0,12 axit Amin: 835	
70	AMINOFIT-FLOWERING™	% ppm mg/l	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 0,76-1,20-0 B: 5000 MgO: 30 CaO: 170 Co: 0,03 Cu: 0,25 Fe: 2 Mo: 0,12 axit Amin: 835	
71	AMINOFIT-FINISHING™	% ppm mg/l	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 1,0-1,2-0 B: 5000 MgO: 30 CaO: 170 Co: 0,03 Cu: 0,25 Fe: 2 Mo: 0,12 axit Amin: 835	Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Bảo Liêm
72	BIO NATURE 700	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 0,85-8,2-0,29	Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và dịch vụ BETA

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
73	CP-400 (chuyên dùng cho cà phê)	%	N: 3 K_2O: 11 Ethephon: 0,1	Công ty Phân bón Bình Điền I
74	CP-200 (chuyên dùng cho cà phê)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 4-40-12 B: 0,6 Zn: 0,4 GA_3: 0,03	
75	Aggrand Natural Organic (0-12-0)	%	$P_2O_{5(hh)}$: 12	Công ty Thuốc Thú y Cửu Long (Mekong Vet)
76	Agriplex 2 Micromix (0-3-5)	%	$P_2O_{5(hh)}$: 3 K_2O: 5 Mg: 1,8 S: 3 B: 0,02 Fe: 5 Mn: 1,2 Zn: 0,5	
77	Aggrand Natural Organic (4-1-1)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 4-1-1	
78	Expert Gardener All Pupose Plant Food (20-30-20)	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 20-30-20 Fe: 0,1 Zn: 500 Mn: 500	
79	Expert Gardener Orchid Food (19-31-17)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 19-31-17 B: 0,02 Cu: 0,07 Fe: 0,33 Mn: 0,05 Mo: 0,0005 Zn: 0,07	
80	Expert Gardener Liquid Tomato Food (9-10-15)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 9-10-15 Mg: 0,5 Cu: 0,05 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Zn: 0,05	
81	Expert Gardener Bloom Plus Liquid Plant Food (5-30-5)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 5-30-5 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Zn: 0,05	
82	Expert Gardener Liquid Rose Food (10-12-12)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 10-12-12 Cu: 0,05 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Zn: 0,05	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
83	Expert Gardener Bloom Plus Plant Food (10-60-10)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 10-60-10 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Zn: 0,05	
84	Expert Gardener Lawn Food (40-4-4+IRON)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 40-4-4 Fe: 0,12	Công ty Thuốc Thú y Cửu Long (Mekong Vet)
85	Expert Gardener Rose Food (19-24-24)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 19-24-24 Cu: 0,05 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Zn: 0,05	
86	Expert Gardener Azlea; Camellia Rhododendron Plant Food (33-11-11)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 33-11-11 B: 0,02 Cu: 0,07 Fe: 0,33 Mn: 0,05 Mo: 0,0005 Zn: 0,07	
87	Gardener's Best All Purpose (15-30-15)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 15-30-15 B: 0,02 Cu: 0,05 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Mo: 0,0005 Zn: 0,05	
88	Liquid Plant Food (10-15-10)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 10-15-10 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Zn: 0,05	
89	Nutriculture General Purpose-20.20.20 (Lawn-Plex 2)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 20-20-20 Mg: 0,05 S: 0,07 B: 0,02 Cu: 0,05 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Mo: 0,0009 Zn: 0,05	
90	Nutriculture Blossom Setter 6.30.30 (Sea Pal)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 6-30-30 Mg: 0,16 S: 3,5 B: 0,01 Cu: 0,02 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Mo: 0,0005 Zn: 0,05	
91	Roots 2 Stand-Up (0-2-12)	%	$P_2O_{5(hh)}$: 2 K_2O: 12 Si: 7	
92	STP Tomatoes Additive	%	N: 3,8 Ca: 5,5 MgO: 0,3	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
93	Sea Pal Bloom Plus (2-10-10)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 2-10-10	
94	Acid Plant Food (33-11-11)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 33-11-11 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Zn: 0,05 B: 0,05 Mo: 0,05	Công ty trách nhiệm hữu hạn Đạt Nông
95	All Purpose Plant Food (20-30-20)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 20-30-20 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Zn: 0,05	
96	All Purpose Plant Food (10-15-10)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 10-15-10 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Zn: 0,05	
97	Bloom Plant Food (10-60-10)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 10-60-10 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Zn: 0,05	
98	Bloom Plant Food (5-30-5)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 5-30-10 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Zn: 0,05	
99	Growmore (0-25-20); Phos-Gard (0-25-20)	%	$P_2O_{5(hh)}$: 25 K_2O: 20	Công ty trách nhiệm hữu hạn Đạt Nông
100	Grow more Fertaplex PK; Fertamic; Bio-Agriplex	%	$P_2O_{5(hh)}$: 4 K_2O: 4 Mg: 1,0 Fe: 5,0 Mn: 0,5 Zn: 0,5	
101	Grow more Fish Emulsion; Alaska; Algaefish; Fish Emulsion	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 5-1-1 Ca ≥ 0,01 Mg ≥ 0,1 S ≥ 0,5 Na ≥ 1 Zn ≥ 5 Mn ≥ 5 Cu ≥ 5	
102	Growmore (6-30-30); Bud & Blossom Booster (6-30-30)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 6-30-30 Ca: 0,05 Mg: 0,1 S: 0,2 B: 0,02 Cu: 0,05 Fe: 0,10 Zn: 0,05	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
103	Growmore (15-30-15); All Purpose Plant Food (15-30-15)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 15-30-15 Mg: 0,1 B: 0,02 Cu: 0,05 Fe: 0,20 Zn: 0,05	
104	Growmore (20-20-20); All Purpose Plant Food (20-20-20)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 20-20-20 Ca: 0,05 Mg: 0,1 S: 0,2 B: 0,02 Cu: 0,05 Fe: 0,10 Zn: 0,05	
105	Growmore (30-10-10); Soil Acidifier Plant Food (30-10-10)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 30-10-10 Ca: 0,05 Mg: 0,1 S: 0,2 B: 0,02 Cu: 0,05 Fe: 0,10 Zn: 0,05	
106	Growmore (12-0-40); Bud & Blossom Booster (12-0-40)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 12-0-40 Ca: 3,0 Mg: 0,1 S: 0,2 B: 0,01 Cu: 0,02 Fe: 0,10 Zn: 0,05	
107	Growmore (10-55-10); Super Bloomer (10-55-10)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 10-55-10 Mg: 0,1 S: 0,2 B: 0,01 Cu: 0,01 Fe: 0,07 Zn: 0,02	
108	Growmore (10-8-6); Gro-Folan (10-8-6)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 10-8-6 B: 0,01 Cu: 0,01 Fe: 0,02 Zn: 0,01	
109	Growmore (4-17-5); Bloom & Root (4-17-5)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 4-17-5 Ca: 0,3 Mg: 0,3 S: 0,3 B: 0,01 Cu: 0,01 Fe: 0,03 Zn: 0,01	
110	Growmore (1-18-18); Bud & Flower Booster (1-18-18)	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 1-18-18 B: 0,01 Cu: 0,01 Fe: 0,03 Zn: 0,01	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
111	Growmore (5-0-2); Foliage Booster (5-0-2)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 5-0-2 Mg: 0,6 S: 4,0 Cu: 0,01 Fe: 1,0 Zn: 4,0	Công ty trách nhiệm hữu hạn Đạt Nông
112	Lawn Plant Food (40-4-4)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 40-4-4 Fe: 0,33 Mn: 0,05 Zn: 0,07 Cu: 0,07 B: 0,02 Mo: 0,0005	
113	Orchid Plant Food (19-31-17)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 19-31-17 Fe: 0,33 Mn: 0,05 Zn: 0,07 Cu: 0,07 B: 0,02 Mo: 0,0005	
114	Rose Plant Food (19-24-24)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 19-24-24 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Zn: 0,05 Cu: 0,05	
115	Rootplex-Iron; Seaweed Extract (0-1-5)	%	$P_2O_{5(hh)}$: 1 K_2O: 5 Fe: 3,0 Zn: 0,05	
116	Tomato Plant Food (18-19-30)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 18-19-30 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Zn: 0,05 Cu: 0,05 Mg: 0,05	
117	Command; Thiourea	%	Thiourea 99 ($N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 35,87-1,26-7,64)	Công ty trách nhiệm hữu hạn Đình Lan
118	Supermes	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 20,5-3-3 CaO: 0,21 Fe: 0,03 Mn: 0,01 Cu: 0,01 Zn: 0,01	Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam
119	BORON	%	B 10,9 (150g/l)	Công ty trách nhiệm hữu hạn Hóa Nông HAGROCHEM
120	PHOS-K	% %w/v	$P_2O_{5(hh)}$: 44 K_2O: 7,4 MgO: 10	
121	HK 7-5-44	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 7-5-44 MgO: 0,1 B: 0,012 Zn: 0,02 Cu: 0,02 Fe: 0,06 Mn: 0,08 Mo: 0,0012 Co: 0,0012	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
122	HK 10-45-10	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 10-45-10 MgO: 0,1 B: 0,012 Zn: 0,02 Cu: 0,02 Fe: 0,06 Mn: 0,08 Mo: 0,0012 Co: 0,0012	
123	HK 10-55-10	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 10-55-10 MgO: 0,1 B: 0,012 Zn: 0,02 Cu: 0,02 Fe: 0,06 Mn: 0,08 Mo: 0,0012 Co: 0,0012	
124	HK 9-15-32	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 9-15-32 MgO: 0,1 B: 0,012 Zn: 0,02 Cu: 0,02 Fe: 0,06 Mn: 0,08 Mo: 0,0012 Co: 0,0012	Công ty trách nhiệm hữu hạn Hóa Nông HAGROCHEM
125	HK 20-20-20	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 20-20-20 MgO: 0,1 B: 0,012 Zn: 0,02 Cu: 0,02 Fe: 0,06 Mn: 0,08 Mo: 0,0012 Co: 0,0012	
126	HK 12-26-26	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 12-26-26 MgO: 0,1 B: 0,012 Zn: 0,02 Cu: 0,02 Fe: 0,06 Mn: 0,08 Mo: 0,0012 Co: 0,0012	
127	SUPER-HUMIC	%	Axit Humic 70	
128	Brassinolide 481	%	$P_2O_{5(hh)}$: 5 K_2O: 3 Mn: 1,5 Zn: 3 Brassinolide: 0,1	Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Hoàng Lê
129	NUTRIDONGBU 12-12-17+2MgO+TE	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 12-12-17 MgO: 2 S: 6 Ca: 2 Zn: 0,01 B: 0,02	
130	Panacea	%	$P_2O_{5(hh)}$: 8 K_2O: 7 Mn: 0,2 Zn: 4 Mo: 0,5	
131	Rooting Powder	%	$P_2O_{5(hh)}$: 15,6 K_2O: 10,2 Zn: 11 B: 1,7	
132	Recover - DT02 (6-18-6)	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 6-18-6 (B, Zn, Mo, Fe, Mn, Cu) >1.800	Công ty trách nhiệm hữu hạn Hiếu Giang
133	CSF-002	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 4-0,5-0,3 Cu: 65 Zn: 320 Mo: 15 Mg: 100	Công ty Cổ phần Hooc môn
134	SF-900	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 5-1,5-2 axit Humic: 7 Cu: 65 Zn: 320 Mo: 15 Mg: 100	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
135	Hưng Nông - C	%	N: 3 Ca: 7 B: 2	Công ty trách nhiệm hữu hạn Hưng Nông
136	Hưng Nông - CRL	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 6-6-1 Ca: 3 Mg: 0,1 Zn: 0,2 Fe: 100	
137	Hưng Nông-H	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 1-18-4 Ca: 1	
138	Humix	% ppm	N-P2O5(hh)-K2O: 9-3-0 axit Humic: 1,0 Dung dịch chiết xuất rong biển: 50 Mn: 500 Cu: 500 Zn: 100 Mo: 50 B: 200	Công ty trách nhiệm hữu hạn Hữu cơ
139	AGR 100	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 1-1-0,2 Mg: 0,008 Fe: 0,003 Zn: 0,000002 axit béo (fatty acid): 0,01 Zeatin: 0,000025	Công ty trách nhiệm hữu hạn Hữu Lộc
140	SIN 100	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 2-0,5-0,2 Mg: 0,0008 Fe: 0,003 Zn: 0,000002 axit béo (fatty acid): 0,03 Zeatin: 0,000025	
141	VITA 100	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 1-1-1 Thiamine cloride: 0,1 NAA: 0,05 Riboflavin: 0,003 Pyrodoxine Hydrocloride: 0,1	
142	Amino-age®; Hữu cơ sinh học KV5	%	HC: 19 $N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 3,6-0,24-1,3	Công ty trách nhiệm hữu hạn Kiến Việt
143	Bio Green No-1; Hữu cơ sinh học KV1	%	HC: 8,2 $N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 0,35-0,06-0,9 Ca: 0,32 Mg: 0,08	
144	Bio Green No-2; Hữu cơ sinh học KV2	%	HC: 9,7 $N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 0,54-0,04-0,64 Ca: 0,16 Mg: 0,07	
145	Strong®; Hữu cơ sinh học KV3	%	HC: 18 $N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 1,8-0,09-0,7	
146	Yease+®; Hữu cơ sinh học KV4	%	HC: 25 $N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 6,4-0,52-1,2	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
147	Kilate Mix	%	Ca: 0,5 Mg: 0,5 Fe: 0,5 Mn: 0,1 Zn: 0,5 Cu: 0,2 B: 0,05 Polysaccarite: 0,5	Công ty trách nhiệm hữu hạn LANI
148	4U-Retain	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 5-2-7 Mn: 0,05 Zn: 0,015 Cu: 0,015 B: 0,015 Polysaccarit: 0,5	
149	Risopla II- OM..AGRI	% ppm	HC: 2~4 chất khô: 4~6 P2O5(hh)-K2O: 1~3-4~6 Mg: 5~10 Zn: 2~5	Công ty trách nhiệm hữu hạn May thêu TM Lan Anh
150	Ko nong	%	MgO: 3,3 Mn: 2,0	Công ty trách nhiệm hữu hạn Long Sinh
151	Land King	%	MgO: 2,6 Mn: 1,2 Vitamin B1: 0,85 Axit amin Phosphoric: 0,006 NH_4^+: 2,5	
152	SUM	%	MgO: 5,0 B: 1,3 Zn: 3,0	
153	Yang kin su	%	K_2O: 3,0 MgO: 6,6 B: 1,6 Vitamin B1: 0,6 Axit amin Phosphoric: 0,008	
154	Worng weilin mei	%	H_3PO_4: 33 MgO: 4,6	
155	FLOWER; F-Bo	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 10-25-20 B: 1 Cu: 200 Mo: 200 Zn: 200 Mn: 200 Fe: 200	Công ty trách nhiệm hữu hạn SX&TM Mai Xuân
156	FUTONIC 201	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 5-1,2-0,1 Cu: 800 Zn: 500 B: 500 Mg: 200 Mo: 50 S: 1.200 Mn: 800	Công ty trách nhiệm hữu hạn Minh Đức (Hà Nội)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
157	FUTONIC 301	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6-1,5-0,2 Steptomicine: 0,05 Cu: 1.000 Zn: 700 B: 700 Mg: 300 Mo: 70 S: 1.500 Mn: 700	
158	MĐ 101	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 7,5-2-0,3 Cu: 900 Zn: 900 B: 900 Mg: 400 Mo: 70 S: 1300 Mn: 1200	
159	MĐ 201 HT	%	N: 7 K_2O: 8 B: 0,3 Mg: 0,5 Mo: 0,005 Mn: 2,5	
160	TS 96	%	N: 0,6 Cu: 7,2 Zn: 3,0 B: 0,62 Ca: 4,0 Mg: 2,0 Steptomicine: 0,2	
161	TS 99	%	$P_2O_{5(hh)}$: 0,5 K_2O: 0,6 Cu: 5 Zn: 2,5 B: 1,25 Mg: 1,0 Mo: 0,005 S: 1,5 Mn: 0,5 Steptomicine: 0,25	
162	PRODUCTION-PLANT	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 5,4-0,9-1,2 CaO: 2,5 MgO: 0,1 S: 0,3 B: 0,006 Mn: 0,0002 Cl: 11,4 Zn: 34,8 Fe: 181,2 Cu: 2,2	Công ty trách nhiệm hữu hạn NAB
163	BIO-PLANT	CFU/ml/chủng	- Vi sinh vật: Bacillus, Clostridium, Stromyes, Achoromobacter, aerobacter, Nitrobacter, Nitrosomonas, Pseudomonas: 10^9 - Nấm có ích: Aspegillus, Fusarium, Polyporus, Rhizopus: 10^9	
164	HAWK (15-30-15+TE)	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 15-30-15 (Cu, B, Zn, Mn) > 2500	Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất thương mại Ngọc Yến
165	NYEN 904	%	B: 2	
166	NYEN 908; Bio-Plexe B	%	B: 17	
167	NYEN 905; Bio-Plexe Fe	%	Fe: 30 axit Amin: 5	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
168	NYEN 906 Bio-Plexe Zn	%	Zn: 34 axit Amin: 5	
169	NYEN 907; Bio-Plexe Mn	%	Mn: 30 axit Amin: 5	
170	NYEN 901	% mg/l	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6-4-4 MgO: 0,25 B: 1500 Zn: 400 Cu: 50 Fe: 10	
171	NYEN 902	% mg/l	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10- 4-4 B: 2500 Zn: 800 Cu: 80 Fe: 10	
172	SUPER AMIN	%	Axit amin tổng số: 33,81 (trong đó: Alanine: 2,16, arginine: 5,20, asparatic: 3,27, Biotin: 0,25, Cystein: 0,5, Glycin: 1,87, Folic: 0,1, Histidine: 0,19, Isoleusine: 0,48, Glutamine: 6,24, Leucine: 0,6, Lysine: 0,99, Methionine: 0,31, Niacine: 0,1, Pathothenic: 0,1, Phennylalanine: 0,83, Proline: 2,23, Serine: 3,71, Thereonine: 2,55, Trytophan: 0,1, Tyrosine: 0,21, Valine: 1,82)	
173	Hoa vũ trụ	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O \geq 10,0$ axit Fulvic ≥ 1,5 axit Humic: 3,0 Nucleic≥ 0,7 axit Amin ≥ 0,4 (Mn, B, Zn)> 2,0	Công ty trách nhiệm hữu hạn Nông Sinh
174	Aron-1	%	CaO: 31 MgO: 1	Công ty trách nhiệm hữu hạn Nông Thịnh
175	NPK (15-15-18)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 15-15-18 B: 0,02 Cu: 0,05 Fe: 0,1 Mo: 0,0005 Zn: 0,05	
176	HVP 301	% mg/l	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3-4-4 Humat: 1 Mg: 850 Mn: 850 Zn: 800 Cu: 750 B: 200 Fe: 200 Mo: 3	Công ty cổ phần DVKT Nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh
177	HVP 301 N (chuyên nấm ăn)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 7-6-4 axit Humic: 0,1 Mg: 0,018 B: 0,005 Zn: 0,005 Mo: 0,0005 Cu: 0,005	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
178	HVP 401 N (chuyên cây ăn trái)	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 8-6-5 Humat: 0,1 Mg: 1200 Fe: 800 Cu: 450 B: 200 Mn: 200 Mo: 5	
179	HVP 401 N (chuyên lúa)	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 7-5-3 Humat: 0,1 Zn: 800 Fe: 800 Cu: 450 B: 200 Mn: 200 Mo: 5	
180	HVP 401 N (chuyên các loại đậu)	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3-8-8 Humat: 0,1 Zn: 700 Cu: 400 B: 200 Mn: 500 Mo: 5 Mg: 1300	
181	HVP 401 N (chuyên các loại rau, cây cảnh)	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6-3-3 Humat: 0,1 Zn: 750 Mn: 250 B: 120 Mg: 800 Mo: 5	
182	HVP 801 S	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-8-11 Fe ≥ 1000 Mg≥ 1.000 Cu≥ 550 Zn≥ 450 Mo≥ 5 Co≥ 3	
183	HVP-1601WP (Chuyên dùng cho cây cà phê)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 20-15-25 Ca: 0,05 Mg: 0,05 Mn: 0,05 Zn: 0,15 Cu: 0,05 Fe: 0,15 B: 0,02 Mo: 0,005	
184	HVP 1601 WP	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 15-30-15 Fe: 0,15 Cu: 0,07 Zn: 0,06 B: 0,02 Mo: 0,0008 Mn: 0,05 Mg: 0,05 Ca: 0,05	
185	HVP 1601 WP (21-21-21)	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 21-21-21 Fe: 1500 Zn: 1500 Mg: 500 B: 200 Mo: 50 Ca: 500 S: 2000	Công ty cổ phần DVKT Nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh
186	HVP 1601 WP (30-10-10)	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 30-10-10 Fe: 500 Zn: 1500 Mg: 500 B: 200 Mo: 50 Ca: 500 S: 2000	
187	HVP 1601 WP (10-20-30)	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-20-30 Fe: 1500 Zn: 1500 Mg: 500 B: 200 Mo: 50 Ca: 500 S: 2000	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
188	HVP 1601 WP LB (22-20-12)	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 22-20-2 Fe: 1500 Zn: 1500 Mg: 500 B: 200 Mo: 50 Ca: 500 S: 2000	
189	HVP-801S (Chuyên dùng cho cây cà phê)	% mg/l	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 7-5-9 Mg: 1000 Mn: 400 Zn: 450 Cu: 550 Fe: 1000 B: 150 Mo: 5 Co: 5 Vitamin B1 > 150	
190	HVP 901S	% mg/l	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 9-9-6 Mg: 1200 Fe: 1000 Zn: 650 Cu: 200 Mn: 600 B: 200 Mo: 15 Co: 10 Vitamin B1: 250	
191	HVP 902S	% mg/l	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 5-8-8 Mg: 1500 Fe: 1000 Zn: 650 Cu: 700 Mn: 550 B: 250 Mo: 15 Co: 10 Vitamin B1: 250	
192	HVP 501 S	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 9-7-5 Zn: 450 Mn: 500 Cu: 300 Mg: 900 Co: 10 B: 200 Fe: 20 Mo: 15 Vitamin B1: 100	
193	Super 01	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 20-4-6 B: 0,1 Cu: 0,08 Zn: 0,15 Fe: 0,15 Mn: 0,15 Mo: 0,015	Công ty Phát triển đầu tư du lịch và KHKT (IDC)
194	Super 02	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 12-4-6 B: 0,1 Cu: 0,15 Zn: 0,15 Fe: 0,08 Mn: 0,15 Mo: 0,015	
195	Super 03	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 10-4-10 B: 0,1 Cu: 0,15 Zn: 0,1 Fe: 0,05 Mn: 0,15 Mo: 0,015	Công ty Phát triển đầu tư du lịch và KHKT (IDC)

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
196	Chito Demax; Bio chitin	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 5-7-5 CM Chitosan: 3 Mg: 45 S: 90 Cu: 75 Fe: 82 Zn: 73 Mn: 58 B: 42 Mo: 39	Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất Phước Hưng
197	Demax Bo	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6-5-3 B_2O_3: 18 Mg: 300 S: 700 Cu: 100 Fe: 100 Zn: 300 Mn: 100 B: 300 Mo: 50	
198	Demax 601	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 5-3-2 Mg: 80 S: 40 Cu: 90 Fe: 80 Zn: 70 Mn: 60 B: 50 Mo: 30	
199	Polyphos- K	% ppm	$P_2O_{5(hh)}$: 32 K_2O: 61 (Mg, S, Cu, Fe, Zn, Mn, B, Mo) > 1500	
200	Foli 1	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-10-5 Mg: 300 S: 700 Cu: 100 Fe: 100 Zn: 300 Mn: 100 B: 300 Mo: 50	
201	Foli 2	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-5-5 Mg: 300 S: 700 Cu: 100 Fe: 100 Zn: 300 Mn: 100 B: 300 Mo: 50	
202	Foli 3	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 8-8-8 Mg: 300 S: 700 Cu: 100 Fe: 100 Zn: 300 Mn: 100 B: 300 Mo: 50	
203	Foli 4	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 5-5-10 Mg: 300 S: 700 Cu: 100 Fe: 100 Zn: 300 Mn: 100 B: 300 Mo: 50	

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
204	Foli 5	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 5-10-10 Mg: 300 S: 700 Cu: 100 Fe: 100 Zn: 300 Mn: 100 B: 300 Mo: 50	Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất Phước Hưng
205	Nitril-K; ra rễ	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2-9-7 NAA: 0,5 CM Chitosan: 5 Cu: 185 Fe: 160 Zn: 195 B: 158	
206	Oligo Demax; Rong biển cắt mạch	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 8-9-26 Alginat: 12,5 Mg: 150 S: 100 Cu: 150 Fe: 150 Zn: 100 B: 100 Mo: 50	
207	Polyphos	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 5-31-11 (Mg, S, Cu, Fe, Zn, Mn, B, Mo)>1500	
208	Potaphos	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6-30-30 Mg: 85 Cu: 90 Fe: 90 Zn: 80 Mn: 50 B: 35 Mo: 30	
209	Superphos	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 12-52-10 Mg: 500 S: 250 Fe: 250 Zn: 500 Mn: 250 B: 700 Mo: 50	
210	Super Demax Super Demax số 2	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6-6-4 CM Chitosan: 3 Mg: 85 S: 37 Cu: 80 Fe: 90 Zn: 78 Mn: 65 B: 30 Mo: 37	
211	Sili-K Demax; Sili-K	% ppm	$P_2O_{5(hh)}$: 9 K_2O: 18 SiO_2: 4,32 Mg: 52 S: 17 Cu: 63 Fe: 47 Zn: 43 Mn: 30 B: 27 Mo: 19	
212	PN 22R	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 12-5,5-4,8 Cu: 0,25 Zn: 0,1 Mg: 2,18 Mn: 0,17 B: 0,18 Ni: 0,13	Công ty trách nhiệm hữu hạn Phương Nam Việt Nam
213	PN 22L	% mg/kg	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 12-5,5-4,8 Cu: 163 Zn: 336 Mg: 540 Mn: 163 B: 84 Ni: 56	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
214	Phân bón qua lá	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 8-10-5	Công ty Phân bón Vật tư Nông nghiệp Quảng Nam
215	Hóa sinh humic	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 20-10-10 axit Humic: 20	
216	Arrow QN (5-5-5)	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 5-5-5 Mn: 100 Fe: 100 Mo: 80 B: 70 Mg: 40 Zn: 20	Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và sản xuất Quang Nông
217	Arrow (6-30-30)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6-30-30 Mn: 0,15 Fe: 0,15 Mo: 0,005 B: 0,02 Zn: 0,05 Cu: 0,05	
218	Arrow (10-40-20)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-40-20 Mn: 0,15 Fe: 0,15 Mo: 0,0005 B: 0,02 Zn: 0,05 Cu: 0,05	
219	Arrow (33-11-11)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 33-11-11 Mn: 0,05 Fe: 0,33 Mo: 0,0005 B: 0,02 Zn: 0,07 Cu: 0,07	
220	Arrow (13-13-21)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 13-13-21 Mn: 0,01 Fe: 0,15 Mo: 0,0005 B: 0,02 Zn: 0,05 Cu: 0,05	
221	Fish Emulsion	% mcg/g	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 5-1-1 Cl: 1,4 Na: 1,3 Ca: 0,1 Mg: 0,2 S: 1,6 Zn: 19,6 Mn: 9,3 Cu: 9,5 Co < 1,5	Công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Du lịch và Thương mại Tân Văn Lang
222	Micro-Boost	%	Mg: 1 Zn: 0,75 Fe: 3,5 Mn: 0,75 B: 0,2 Mo: 0,003 S: 4	
223	Super Ca	%	N: 6 Ca: 8	
224	Super NPK (10-8-8)	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-8-8 B: 0,3912 Fe: 11,30 Zn: 0,11 Co: 0,023 Ag: 0,2126 Mn: 0,1066 Mo: 0,063 S: 0,00379	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
225	Super NPK (3-18-18)	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3-18-18 B: 0,3912 Fe: 11,30 Zn: 0,11 Co: 0,023 Ag: 0,2126 Mn: 0,1066 Mo: 0,063 S: 0,00379	
226	Nutrofa 21-21-21	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 21-21-21 (Cu, Fe, Zn, B, Mo, Mg, Mn): 1~2	Công ty trách nhiệm hữu hạn Thái Phong
227	Nutrofa 15-30-15	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 15-30-15 (Cu, Fe, Zn, B, Mo, Mg, Mn): 1~2	
228	Vi lượng SELATA	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 11-4-5 CaO: 0,16 Mg: 0,09 Mn: 265 Zn: 620 Cu: 180 Fe: 500 B: 90	Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và Công nghệ Thanh Nga
229	ANATONE L	%	Urea: 25 (N: 6,0)	Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và dịch vụ Thanh Sơn Hóa Nông
230	Newgood	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 5-0-0,5 (Cu, Fe, Zn, B, Mo, Mg, Mn): 1	
231	TP 108	%	Mg: 0,14 Zn: 0,05 Fe: 0,05 Cu: 0,15 Mn: 0,05 Mo: 0,001 B: 0,02	
232	SIREN (Seaweed Extract Powder)	% ppm	HC ≥ 45 $N\text{-}K_2O$ ≥ 0,8-15 Ca ≥ 1,5 Mg ≥ 0,2 S ≥ 1 Na ≥ 3,0 P_2O_{5hh} ≥100 B ≥ 20 Co ≥ 3,5 Cu ≥ 20 Fe ≥ 250 Mn ≥ 15 I ≥ 250	
233	SIREN PLUS: (Seaweed Extract Powder + Trace Elements)	%	RB + Cu: 6,5 RB + Mn: 3,0 RB + Zn: 5,5 RB + B: 1,4 RB + Ca: 3,5	
234	Supergrowth	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 11-3-2,5 (Cu, Fe, Zn, B, Mo, Mg, Mn) ≥1~2	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
235	SWEETENER (Crop Giant)	%	$P_2O_{5(hh)}$: 1,4 K_2O: 0,8 CaO: 12 Đường khử: 2,5 Vi lượng Co-enzim (B, Co...): 1,0	
236	WELL 501	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 5-10-5 B: 135 Fe: 250 Cu: 120 Mn: 250 Zn: 100 Mo: 5	
237	WELL 502	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 15-30-15 B: 400 Fe: 750 Cu: 350 Mn: 750 Zn: 300 Mo: 15	
238	YOGA 701	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 15-5-5 B: 200 Fe: 200 Cu: 150 Mn: 250 Zn: 125 Mg: 1200	
239	YOGA 702	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 5-15-10 B: 300 Fe: 100 Cu: 150 Mn: 500 Zn: 150 Mo: 10 Mg: 600	
240	YOGA 703	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 5-10-15 B: 100 Fe: 100 Cu: 300 Mn: 500 Zn: 150	
241	Sinh Hóa Thiên Nông	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 20-10-10 chiết xuất giun hồng: 20	Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Nông
242	TQ-2000	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 5-5-3	Công ty trách nhiệm hữu hạn Thiên Quý
243	Komix 301	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 12-12-4 Mg: 500 Zn: 150 Mn: 100 B: 30 Cu: 100	Công ty trách nhiệm hữu hạn
244	Komix - BFC 201S	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 3,5-7-2,3 Mg: 800 Zn: 200 Mn: 100 Cu: 100	Sản xuất và Thương mại Thiên Sinh

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
245	Komix BFC 201	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2,6-7,5-2,2	
		ppm	Mg: 800 Zn: 200 Mn: 30 B: 50 Cu: 100	
246	Komix CF	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6,4-6,4-6,4	
		ppm	Mg: 500 Zn: 800 Mn: 50 B: 800 Cu: 800 Mo: 27	
247	Komix FL	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2,5-5,8-6,6	
		ppm	Mg: 200 Zn: 300 Mn: 180 B: 200 Cu: 200	
248	Komix FT	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 5-7,5-7,5	
		ppm	Mg: 800 Zn: 400 Mn: 800 B: 500 Cu: 27	
249	Komix-Rb	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 8-12-5	
		ppm	B: 200 Mn: 50 Zn: 220 Fe: 30	
250	Komix RC	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 8,4-4,2-4,2	
		ppm	Mg: 200 Cu: 100 Zn: 200 Mn: 30 B: 50	
251	Komix-Tea	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 7-3-7	
		ppm	CaO: 500 Mg: 200 B: 120 Mn: 150 Zn: 80 Cu: 100 Fe: 50	
252	Komix –TS9	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3-8-2	
		ppm	Mg: 500 Zn: 200 B: 50	
253	Komix VG	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 16,3-5,4-1,5	Công ty trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Thiên Sinh
		ppm	Zn: 100 Mn: 98 B: 200 Cu: 250 Mo: 200	
254	Komix VF	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 4-8-8	
		ppm	Mg: 500 Mo: 200 Cu: 250 Zn: 800 Mn: 980 B: 120	
255	Komix Super Zinc K	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 7,5-12,5-36 Zn: 11	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
256	TIGICAM-1	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 6-12-4 (Mo, B, Cu, Zn): 1200	Công ty Vật tư nông nghiệp Tiền Giang
257	TIGICAM-2	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 2-10-10 (Mo, B, Cu, Zn): 1200	
258	TIGICAM-3	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 5-5-5 (Mo, B, Cu, Zn): 1200	
259	VIMIX-1	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 7~8 - 7~8 - 7~8 Humat: 8 (Ca, Mg, S)>2000	Công ty trách nhiệm hữu hạn TMDV sản xuất Toàn Tâm
260	MANGO-97	%	N: 13 K_2O: 20 $ZnSO_4$: 0,5	Công ty trách nhiệm hữu hạn SXTM Dịch vụ TOBON
261	HB-101	%	K_2O: 7,5 Mg: 2,9 Rh: 0,06 Ag: 0,16 Ca: 5,8 Na: 5,6 Fe: 0,43	
262	HC-101	%	Ca: 0,1 Zn: 6 Cu: 0,1 Mn: 0,5	
263	HP-506C	%	Ca: 2,5 Mo: 0,02	
264	MANGO-97	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 15-30-15	
265	MANGO-97	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 16-16-8	
266	MANGO-97	%	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 30-10-10	
267	MANGO-97	%	N: 13 K_2O: 20 Zn: 0,5	
268	TOBON 101	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 3-1-2 Vitamin B1: 800 axit amin: 800	
269	TOBON 101	% ppm	$N-P_2O_{5(hh)}-K_2O$: 3-2-1 Vitamin B1: 800 axit amin: 800 Fe: 300 B: 100 Mo: 30	Công ty trách nhiệm hữu hạn SXTM Dịch vụ TOBON

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
270	Arcafet 15-30-15	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 15-30-15	Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Trang Nông
271	Arcafet 21-21-21	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 21-21-21	
272	Mamigro 12-9-6	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 12-9-6	
273	Mimix	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 13-28,5-11,4	
274	AC	% ppm	N: 1,4 Ca: 2,24 Mg: 0,51 Protein thô: 3,75 Fe: 1480 Cu: 12 Mn: 115 Zn: 37 Ti: 216	Công ty trách nhiệm hữu hạn Trường Lộc
275	FITOMIX	% ppm	HC: 0,2 Dextran: 0,001 Cu: 0,06 B: 0,02 Co: 0,005 Fe: 0,03 Mg: 0,02 Mn: 0,06 Ca: 0,01 Chitosan: 20	Công ty Cổ phần Trường Sơn (Hà Nội)
276	KAVACIN	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 4-4-4 Agrmyxin: 0,01 Axit amin: 0,02 Cu: 0,08 Zn: 0,06 B: 0,03 Fe: 0,03 Mg: 0,02 Mn: 0,06 Ca: 0,01 Polioxcin: 0,01 Chitosan: 1	
277	PS 906	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6-4-2 Dextran: 0,002 Cu: 0,07 Zn: 0,05 B: 0,03 Mo: 0,0005 Fe: 0,02 Mg: 0,02 Mn: 0,05 Chitosan: 1	
278	TRS 108	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 7-5-3 Dextran: 0,002 Axit amin: 0,01 Cu: 0,07 Zn: 0,06 B: 0,03 Mo: 0,0005 Fe: 0,02 Mg: 0,02 Mn: 0,05 Ca: 0,01 Chitosan: 20	
279	Earthcare CLC	% ppm	HC: 15~18 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 4,3-0,01-1,81 S: 0,12 Mg: 0,04 Na: 0,19 Cu: 7,6 Zn: 11,6 B: 4,4 Mn: 41 Fe: 280	Công ty trách nhiệm hữu hạn Úc - Á

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

280	Powerfeed	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}$ - K_2O: 13,3 - 1,25 - 6,67 Ca: 0,33 S: 0,16 K-humat: 2,56 Na: 0,16 Fe: 300 Zn: 32 B: 13	Công ty trách nhiệm hữu hạn Úc - Á
281	Seasol Liquid Seaweed	% ppm	HC: 10~12 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}$ - K_2O: 1,8 - 0,58 - 4,3 S: 0,20 Na: 0,90 Mg: 400 Fe: 300 Cu: 1,0 Zn: 32 B: 13 Mn: 5	
282	Vi lượng 94	%	B: 0,02 Cl: 0,1 Co: 0,005 Cu: 0,05 Fe: 0,01 Mn: 0,05 Mo: 0,0005 Zn: 0,05	Công ty xuất nhập khẩu Vật tư kỹ thuật (Rexco)
283	Agrostim™ USA	% ppm	HC: 40~45 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}$ - K_2O: 10,25 - 6,6 - 5,4 (Ca, Ma): 0,1~0,2 Sodium: 3~5 B: 100~150 Fe: 150~250 (Mn, Cu, Zn) > 200	Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Viễn Phát
284	Seaweed Super	%	HC: 50,9 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}$ - K_2O: 4,6 - 1,78 - 8,42	Công ty trách nhiệm hữu hạn xuất nhập khẩu Việt Gia
285	Seaweed Liquid	%	HC: 11,3 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}$ - K_2O: 1,2 - 0,46 - 1,75	Công ty trách nhiệm hữu hạn Thức ăn Thủy sản Việt Thăng
286	Maruzen 786 (Enzym Serie)	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}$ - K_2O: 2,48 - 5,13 - 3,15 Ca: 6,6 Mg: 0,82 (Fe, Mn, Cu, B) > 5000	
287	Maruzen 888 (Enzym Serie)	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}$ - K_2O: 1,25 - 0,01 - 3,0 Ca: 0,71 Mg: 0,413 (Fe, Mn, Cu, B) > 1000	Công ty Phát triển kỹ thuật Vĩnh Long
288	Bioted MAP	%	N: 10 $P_2O_{5(hh)}$: 60 Mg: 2	
289	Bioted MKP	%	$P_2O_{5(hh)}$: 50 K_2O: 32 Mg: 2	
290	Bioted KNO_3	%	N: 12 K_2O: 44 Mg: 2	
291	Bioted F99-15.30.30.15	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}$ - K_2O: 15 - 30 - 15	
292	Bioted F99-6.30.30	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}$ - K_2O: 6 - 30 - 30	
293	Bioted PB	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}$ - K_2O: 2 - 2 - 2	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

294	Red Sun	% ppm	HC: 15,6 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2,15-1,1-2,1 Ca: 0,7 Mg: 0,3 S: 0,15 Fe: 300 Mn: 150 Cu: 100 B: 10	Công ty trách nhiệm hữu hạn Vĩnh Phát Thịnh
295	Pana	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 8-5-5 (Cu, B, Zn) > 1000	Cơ sở Sản xuất phân hữu cơ COVAC
296	Breed-DT02 (6-8-6)	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6-8-6 (B, Zn, Mo, Fe, Mn, Cu) > 2000	Cơ sở Phân bón Điền Trang
297	Feed-DT02 (10-50-10)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-50-10 Mg: 0,005 Fe: 0,012 Mn: 0,054 Cu: 0,05 Zn: 0,047 Mo: 0,0005 B: 0,005	
298	Feed-DT02 (10-30-30)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-30-30 Mg: 0,03 Fe: 0,022 Mn: 0,02 Cu: 0,05 Zn: 0,03 Mo: 0,0005 B: 0,002	
299	Feed-DT02 (31-11-11)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 31-11-11 Mg: 0,32 Fe: 0,045 Mn: 0,05 Cu: 0,012 Zn: 0,05 Mo: 0,0005 B: 0,002	
300	AGRI-SHIELD (GROW"N")	%	Capsicum Oleoresin: 40 Polypeptit: 14 Agryletic: 25 Enzyme: 20	
301	GROW (5-10-10)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 5-10-10 Fe: 0,02 Cu: 0,05 B: 0,02 Zn: 0,05 Al: 0,01 Co: 0,005	
302	GROW (10-4-2)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-4-2 CaO: 2 Mg: 0,15 Mo:0,05 S: 0,05	Cơ sở phân bón sinh khoáng Hưng Thịnh
303	GROW MAX HQ	%	Vitamin B1: 0,05 Vitamin C: 0,01 Vitamin E: 0,01 Fe: 0,1 Cu: 0,05 Mn: 0,15 Mg: 0,15 Zn: 0,05	
304	GROW PLUS	%	Vitamin B1: 0,05 Vitamin C: 0,01 Vitamin E: 0,05 Fe: 0,1 Cu: 0,05 B: 0,02 Mn: 0,15 Mg: 0,15 Zn: 0,05 S: 0,05	
305	PENTA TRON	%	S: 2 Cu: 1 axit Humic: 10 chất hoạt hóa có nguồn gốc hữu cơ: 15,52	
306	SUN-SHIELD	%	Polypeptit: 14 axit Amin: 30 Agryletic: 25	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

307	SUPER TRON	%	N: 6 K_2O: 4 Ca: 8 Zn: 2 Axit Humic: 1 chất hoạt hóa có nguồn gốc hữu cơ: 5	Cơ sở phân bón sinh khoáng Hưng Thịnh
308	SUPER GROW	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 5-5-5 CaO: 0,02 Fe: 0,02 Cu: 0,05 B: 0,02 Mn: 0,15 Mg: 0,02 Mo: 0,005 Zn: 0,05 Al: 0,05 S: 0,05	
309	MAGIC PLANT (31-11-11)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 31-11-11 B: 0,02 Cu: 0,07 Mn: 0,05 Zn: 0,07 Fe: 0,33	
310	MAGIC PLANT (20-30-20)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 20-30-20 Mn: 0,05 Zn: 0,05 Fe: 0,1	
311	MAGIC PLANT (20-20-20)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 20-20-20 B: 0,02 Cu: 0,05 Mn: 0,05 Zn: 0,05 Fe: 0,1	Cơ sở SX phân bón lá vi lượng NPK MAGIC PLANT
312	MAGIC PLANT (10-55-10)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 10-55-10 B: 0,02 Cu: 0,05 Mn: 0,05 Zn: 0,05	
313	MAGIC PLANT (6-30-30)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 6-30-30 B: 0,02 Cu: 0,05 Mn: 0,05 Zn: 0,05 Fe: 0,1	
314	MAGIC PLANT (9-0-30)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 9-0-30 B: 0,02 Mn: 0,05 Zn: 1,0 Fe: 0,05 Mo: 0,0005	
315	Famix	% ppm g/l	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 4-1,5-3 Zn: 200 Mg: 200 B: 100 Cu: 50 Axit Humic: 10	Cơ sở sản xuất phân bón Hữu cơ - Khoáng Tổng hợp Phương Đông
316	Aminomix	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 3-5-3 Mo: 35 B: 50	Cơ sở sản xuất phân bón lá Phú Hưng
317	HQ 801	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 4-8-4 Mo: 35 B: 50	
318	Miracle Fort	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 4-8-4 Mo: 2 B: 2	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

319	Micle Fort	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 4-8-4 Mo: 2 B: 0,2	Cơ sở sản xuất phân bón lá Phú Hưng
320	Hữu cơ sinh học 001	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 0,4-0,1-0,05 Fe: 0,88 Cu: 0,12 Mn: 0,13 Mg: 85 Zn: 0,11	
321	Hữu cơ sinh học 002	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 0,2-0,3-0,1 Fe: 0,93 Cu: 0,1 Mn: 0,14 Mg: 77 Zn: 0,11	Cơ sở sản xuất phân bón hữu cơ sinh học Phú Nông Kiên Giang
322	Hữu cơ sinh học 003	% ppm	HC:41 $N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$:4,6-2,12-2,46 Ca:0,15 Mg:0,1 S:0,14 Fe: 128 Cu: 5 Zn: 22	
323	KT; Thiourea	%	Thiourea 93,1 ($N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 28,69-3,5-3,65)	Cơ sở Nông dược Sinh hóa nông
324	Super micro	%	Mg: 1,5 S: 2,1 Mo: 0,0001 B: 0,4 Fe: 0,015 Cu: 0,2 Zn: 0,08 Co: 0,0001	
325	Super mazicox 95	%	Mg: 1,6 S: 2,9 B: 0,05 Cu: 2 Zn: 1,5 Mn: 1	Cơ sở Sinh Hóa Nông Thảo Trâm (SUPER-TMT)
326	Super 9	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 12-4-6 Mo: 0,0005 B: 0,01 Fe: 0,001 Cu: 0,05 Zn: 0,05 Mn: 0,05 Co: 0,0005	
327	Super 5	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 12-1-42 B: 0,01 Cu: 0,01 Zn: 0,01	
328	Super a-z	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6-0-6 Mg: 1,2 S: 3,5 B: 7	
329	Toba Fuit	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 4-6-9 Zn: 0,10 B: 0,15	Cơ sở Sản xuất phân bón Tôba
330	Toba Sun	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 8-58-8 Zn: 0,05 Mn: 0,05 Fe: 0,10	
331	FERVIHA-PHOS-PLUS; GrowMore 0-16-0+4%n Ca	%	$P_2O_{5(hh)}$: 16 Ca: 4	Cơ sở Sản xuất và gia công

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

332	FERVIHA-CAL-PLUS; GrowMore 16-0-16+9% Ca	%	N: 16 K_2O: 16 Ca: 9	phân bón Việt Hà
333	FERVIHA-KT-RAHOA; GrowMore 0-40-40+4% Ca	%	$P_2O_{5(hh)}$: 40 K_2O: 40 B: 0,02 Cu: 0,05 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Mo: 0,0005 Zn: 0,05	Cơ sở Sản xuất và gia công phân bón Việt Hà
334	DA VIHA 5-5-5; FERTAPLEX-PK	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 5-5-5 Mg: 0,05 Zn: 0,01 Cu: 0,05 Ca: 0,1 Fe:0,1	
335	FERVIHA-ICROMIX; GrowMore 15-5-15 + 4%Ca + 1% Mg + Micro	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 15-5-15 Ca: 4 Mg: 1	
336	FERVIHA-GROW; GrowMore 21-7-7 High Nitrate-Soil-Less	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 21-7-7 S: 1 B: 0,02 Cu: 0,05 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Mo: 0,0005 Zn: 0,05	
337	FERVIHA-CF10-5-10 (chuyên dùng cho cà phê)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 10-5-10 Mg: 0,05 Zn: 0,1 Cu: 0,05 Ca: 0,1 Fe: 0,1	
338	FERVIHA-T7-3-10 (chuyên dùng cho tiêu)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 7-3-10 Mg: 0,05 Zn: 0,05 Cu: 0,05 Ca: 0,05 Fe: 0,1	
339	AMID	% meq/ 100g	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 2,9-0,4-0,4 axit amin ≥ 10	DNTN Đức Hiệp

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

340	Mega GrowC ™ (9-1-1)	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 9-1-1 MgO: 689 Fe: 2290 Mn: 24 Cu: 11 Zn: 40	
341	Raja (21-21-21) plus	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 21-21-21 MgO: 0,07 S: 0,1 Fe: 0,04 Mn: 0,02 Cu: 0,01 Zn: 0,02 B: 0,02	DNTN TM và Nuôi trồng thủy sản Hữu Lợi
342	Raja (30-10-10) plus	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 30-10-10 MgO: 0,3 S: 0,5 Fe: 0,04 Mn: 0,03 Cu: 0,01 Zn: 0,02 B: 0,02	
343	Raja (6-32-32) plus	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6-32-32 MgO: 0,12 S: 0,59 Fe: 0,44 Mn: 0,029 Cu: 0,016 Zn: 0,007 B: 0,002 Mo: 0,0012	
344	Raja (10-55-10) plus	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-55-10 MgO: 0,053 S: 0,085 Fe: 0,026 Mn: 0,015 Cu: 0,017 Zn: 0,019 B: 0,01 Mo: 0,007	
345	Calcium Boron Dynamic	%	Ca: 7 B: 2	DNTN Mỹ Trà
346	MYDO Protect	%	B: 4	DNTN Mỹ Trà
347	MYTRAC	%	MgO: 9 Mn: 4 Fe: 4 S: 3 Cu: 1,5 Zn: 1,5 B: 0,5 Mo: 0,1 Co: 0,05	
348	Dinh dưỡng qua lá (Vitamin B1)	%	$P_2O_{5(hh)}$: 2,0 Fe: 0,1 Vitamin B1: 0,1% ∝NAA: 0,04	DNTN Phong Lan Nguyên Thanh
349	Ever Green	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 15-30-15 B: 0,02 Cu: 0,05 Fe: 0,15 Mn: 0,05 Mo: 0,005 Zn: 0,15 Ca: 0,05 S: 0,2 Mg: 0,05	DNTN Thương mại Tân Quy
350	Ever Green	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 30-10-10 B: 0,02 Cu: 0,05 Fe: 0,15 Mn: 0,05 Mo: 0,005 Zn: 0,15 Ca: 0,05 S: 0,2 Mg: 0,05	
351	Ever Green	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 20-20-10 B: 0,02 Cu: 0,05 Zn: 0,15 Ca: 0,05	
352	Ever Green	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-55-10 B: 0,02 Cu: 0,05 Fe: 0,15 Mn: 0,15 Mo: 0,005 Zn: 0,15 Ca: 0,05 S: 0,2 Mg: 0,05	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

353	Miracle-gro 5-30-15	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 15-30-15 B: 0,02 Cu: 0,07 Fe: 0,15 Mn: 0,05 Mo: 0,0005 Zn: 0,06	
354	Miracle-gro 18-18-21	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 18-18-21 Cu: 0,05 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Zn: 0,06 Mg: 0,05	
355	Miracid 30-10-10	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 30-10-10 B: 0,02 Cu: 0,07 Fe: 0,325 Mn: 0,05 Mo: 0,0005 Zn: 0,07	
356	Miracle-Gro	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 20-20-20 B: 0,02 Cu: 0,05 Fe: 0,1 Mn: 0,05 Mo: 0,0005 Zn: 0,05	
357	Miracle-Gro; loom Booter: 10-52-10	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-52-10 B: 0,02 Cu: 0,07 Fe: 0,15 Mn: 0,05	
358	Miracle-Gro; Quick Stast: 4-12-4	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 4-12-4 B: 0,02 Cu: 0,07 Fe: 0,15 Mn: 0,05	
359	Poly Feed	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 15-30-15 Fe: 1000 Mn: 500 B: 200 Zn:150 Cu: 110 Mo: 70	
360	Poly Feed	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 19-19-19 Fe: 1000 Mn: 500 B: 200 Zn: 150 Cu: 110 Mo: 70	DNTN Thương mại Tân Quy
361	Poly Feed	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 6-30-30 Mg: 3 Zn: 75 Mo: 35 Fe: 500 Mn: 250 B: 100 Cu: 55	
362	SURE 99 (Thiourea ≥ 99%)	%	N: 33 S: 33	
363	Tiger	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 15-30-15 B: 0,01 Cu: 0,01 Fe: 0,04 Mn: 0,02 Mo: 0,001 Zn: 0,02	
364	Tiger	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 21-21-21 B: 0,01 Cu: 0,01 Fe: 0,04 Mo: 0,01 Zn: 0,02	
365	Tiger	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 30-10-10 B: 0,01 Cu: 0,01 Fe: 0,04 Mn: 0,02 Mo: 0,001 Zn: 0,02	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

366	ANDO	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1-3-7 Mg: 0,05 Zn: 0,02 B: 0,1 Fe: 0,01	DNTN sản xuất và thương mại Tấn Hùng
367	BIG	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-5-10 Mg: 0,2 Ca: 0,2 Zn: 0,015 B: 0,015	
368	CABA	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 2-0-15 Mg: 0,01 Zn: 0,02 Cu: 0,01 B: 0,01 Fe: 0,02	
369	FISHSUPER	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3-2-2 Mn: 0,015 Zn: 0,08 Cu: 0,02 Fe: 0,024	
370	HAGI	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1-2-0,5 Zn: 0,01 Cu: 0,01 B: 0,05	
371	RADO	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3-15-19 Mg: 0,05 Zn: 0,01 B: 0,1 Fe: 0,02	
372	TH-200	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 5-5-10 Mg: 0,1 Zn: 0,2 Cu: 0,05 B: 0,2 Fe: 0,01	
373	TYML	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-10-10 Mg: 0,1 Zn: 0,2 Cu: 0,05 B: 0,1 Fe: 0,05	
374	Bón lá Tiến Nông	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 5-3-2,5	Doanh nghiệp Tiến Nông Thanh Hóa
375	Toponsu	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 15-30-15	TT triển khai các công nghệ thích hợp (CATED)
376	Toponsu	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 21-21-21	
377	Toponsu	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 30-10-10	
378	NUCAFE	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 8,5-9,5-6,5 S: 13 Zn: 7,5 Mg: 0,5	Viện Khoa học kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

379	CANXI; CANPLUS	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 4-3-3 CaO: 10 MgO: 2	Viện Sinh học nhiệt đới - Trại Thực nghiệm sinh học Thạnh Hộc
380	LACTO	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 9-7-7 axit lactic: 2	
381	Vi lượng 201; Miro 201	%	CaO: 3 Cu: 1 Mo: 0,25 B: 1 Zn: 1,5 Mn: 0,25 Fe: 1	
382	ĐH1 (chuyên dùng cho chè)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 8-6-8 Zn: 0,05 Mn: 0,05 EDTA: 1,25 RE: 5 chất hoạt hóa bề mặt: 0,25	Viện Công nghệ Xạ hiếm
383	MEKOFA 1	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 16-16-8 (Mo, B, Cu, Zn): 1.000	Xí nghiệp phân bón Cửu Long
384	MEKOFA 2	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 8-8-6 (Mo, B, Cu, Zn): 1.000	
385	NUTRI UPLAND CROP	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 9-56- 9 Mo: 100 Cu: 200 B: 500 Zn: 500 Mg: 1.000	Xưởng sản xuất thực nghiệm - Viện sinh học Nhiệt Đới
386	NUTRI FLOWER	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 11-31-21 Cu: 200 B: 500 Zn: 1000 NAA: 500	
387	NUTRI GENERAL FEED	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-2-2 CaO: 20 (Cu, Mo, B, Zn, Fe): 200~400	

VIII. Phân có bổ sung chất điều hòa sinh trưởng

Số thứ tự	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
1	UFL Flast Grow	%	N-Triacotanol: 0,25	Công ty trách nhiệm hữu hạn Maxgow
2	Neem Urea Coat; Urea Nitrofert Coat	% ppm	NĐ ≥ 45 Azadirachtin:1050	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

3	FastFood	%	Vitamin B1+B6: 0,2 Mg: 1	Công ty MITSUI & Co-Ltd
4	Mikaza	%	Vitamin B1+B6: 0,2 Mg: 1	
5	Pantip; Sedhi; Biosa	%	MgO: 0,3 S: 0,3 Cu: 0,055 B: 0,025 NAA: 0,02	
6	SamppiNo3	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 8-3-3 Gluco:3	Công ty Otsuka Nhật Bản
7	Chế phẩm Platonic	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 15-30-15 Nitrophenol: 0,5	Tổng công ty Vật tư Nông nghiệp
8	Grow more Vitamin B1; Liquinox Start; Vitamin B1; Vitamax	%	Vitamin B1: 0,1 $P_2O_{5(hh)}$: 2,0 Fe: 0,1 ∝NAA: 0,04	
9	Grow more Bio-Cozyme W-S-C; Bio Cozyme; Resyst; Bio-Agrostim	%	N-K_2O: 0,1-5,0 Fe: 10,0 axit Humic, humate: 8,0 Vitamin E, B, C, đường tự nhiên, Carbohydrate, axit Amin: 6,0	Công ty trách nhiệm hữu hạn Đạt Nông
10	Grow more Jump Start; RX Plant Tonic; Super Thrive	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 0,1-0,025-0,1 Fe: 0,1 Zn: 0,05 Mg: 0,03 Vitamin B1: 0,001 Vitamin C: 0,001	
11	Hỗn hợp dinh dưỡng thúc đẩy thanh long ra hoa trái vụ VSL1	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 1-5-3 Cytokinin: 10	Công ty trách nhiệm hữu hạn Giống cây trồng Đồng Nai VACDONA
12	ULTRA PLANTA: UP5; SP5 (dạng Lỏng)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 1,72-0,53-1,47 Protein: 10,75 Hormon chứa 0,3~0,4% trong 85,53% dung dịch Hormon	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

13	ULTRA PLANTA: UP5C; SP5 (dạng Lỏng)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1,93-0,53-1,46 Protein: 12,06 Hormon chứa 0,3~0,4% trong 84,02% dung dịch Hormon	Công ty trách nhiệm hữu hạn Công nghệ Sinh học Hiệp Lợi
14	ULTRA PLANTA: UP5T; SP5 (dạng Lỏng)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1,29-0,53-1,60 Protein: 8,06 Hormon chứa 0,3~0,4% trong 88,52% dung dịch Hormon	
15	ULTRA PLANTA: UP5; SP5 (dạng Bột)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1,72-0,53-1,47 Protein: 10,75 Trong đó Hormon chứa 0,3~0,4% trong 85,53% chất mang	
16	ULTRA PLANTA: UP5C; SP5 (dạng Bột)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1,93-0,53-1,46 Protein: 12,06 Hormon chứa 0,3~0,4% trong 84,02% chất mang	
17	ULTRA PLANTA: UP5T; SP5 (dạng Bột)	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$:1,29-0,53-1,60 Protein: 8,06 Hormon chứa 0,3~0,4% trong 88,52% chất mang	
18	KV801	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 1-2-1 NAA: 0,002 Mo: 0,005 B: 0,04 Zn: 0,06 Cu: 0,06	Công ty Cổ phần Vật tư bảo vệ thực vật Hòa Bình
19	Amix -404	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 4-8-4 NAA: 4,5 NOA: 2,2 Zn: 50 B: 50 Cu: 30	Công ty phân bón miền Nam
20	Chahumix CH1 (10-6-6)	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-6-6 Mg: 0,1 αNAA: 300 βNOA: 100 Zn: 400 B: 1000 Cu: 400 Mo: 1 Mn: 250	
21	Dưỡng cây DC-1	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 20-5-5 αNAA: 50 βNOA: 50 Zn: 20 B: 20 Cu: 50 Mo: 50 Mn: 30 Mg: 20	
22	Phomix	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-5-5 Zn: 15 Mn: 15 Cu: 20 Gib: 10	Công ty phân bón

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

23	Tăng trưởng 001 Đầu trâu	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 10-10-5 Zn: 10 B: 10 Cu: 20 Mn: 15 αNAA: 50 βNOA: 50 Gib: 10	miền Nam
24	Super Hume	%	Axit Humic: 15	Công ty trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ Du lịch và Thương mại Tân Văn lang
25	Roots 2	%	axit Humic: 24 chất chiết xuất từ RB: 30 vitamin (B1, E): 0,4	Công ty Thiên Đức
26	Superrmix	% mg/kg	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 12-5,5-4,8 αNAA: 3800	Công ty Thuốc sát trùng Việt Nam
27	Biostimulin-R	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 3-2-7 αNAA: 0,17 βNOA: 0,3	Cơ sở BIOSTIMULIN
28	Biostimulin-NC	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 24-7-2 αNAA: 0,17 βNOA: 0,44	
29	Biostimulin-Q	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 32-8-4 βNOA: 0,3	
30	Dry Roots 2 (3-3-3)	%	HC: 39,6 N-P2O5(hh)-K2O: 3-3-3 tro tảo biển, than bùn: 2,5 Vitamin (C, B1): 0,25	
31	Iron Roots 2	% ppm	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 0-2-4 VitaminE: 0,1 Fe: 4 Dipotasium phosphat: 2 Citrate phosphat Fe: 50	
32	TNS cây trồng quả 101	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 35-0,2-2 βNOA: 0,2 B: 0,6 Cu: 0,5 Mg: 0,3 Mn: 0,006 Zn: 0,5	Cơ sở Thiên Hải Ngọc
33	Flower	% ppm	$N\text{-}K_2O$: 7-30 αNAA: 0,1 Zn: 1500	Cơ sở phân bón Tô ba
34	TOBA-TSL	%	$N\text{-}P_2O_{5(hh)}\text{-}K_2O$: 5-5-5 βNOA: 0,05	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

35	Fofer-X	%	KNO_3: 80 B+αNAA+βNOA+2,4D:10	Cơ sở VAC Tiền Giang
36	Polyfa CF	% ppm	HC: 20 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 1-3-1 humat: 1~5 αNAA: 50	Viện CN sinh học - TT CN hóa dược
37	Polyfa CFM	% ppm	HC: 20 N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 3-3-3 humat: 1~5 αNAA: 50	
38	AMINO-6DD	%	Axit amin: 2,0 NAA: 0,1 Fe: 0,4 Mo: 0,6 B: 0,3 Cu: 0,2 Mn: 0,4	
39	ET	%	Axit amin: 0,6 GA_3: 0,4 B: 0,3 Mo: 0,07 $CuSO_4$: 0,02 $ZnSO_4$: 0,04	Xưởng sản xuất thực nghiệm - Viện sinh học Nhiệt Đới
40	HONIK (CARON)	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 10-5-5 NAA: 0,2 (B, Cu, Fe, Mn, Mo, Zn): 0,5~1,0 Axit amin: 1,95~2,0	
41	HPC-97R (HPCR)	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 30-3-3 $CuSO_4$:0,4 NAA: 0,2 Fe: 100~250 Mn: 100~250 Zn: 100~250 B: 100~250 Mo: 100~250	
42	NAVIL-6S (NALO)	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 6-6-6 Mg: 2~4 S: 4 Ca: 3 NAA: 0,2 Cu: 500~1000 Mg: 200 Fe: 500~1000 Mn: 500~1000 Zn: 500~1000 B: 500~1000 Mo: 500~1000	
43	TNS lúa	%	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 35-0,2-2 βNOA: 0,3 B: 0,6 Cu: 0,5 Mg: 0,3 Mn: 0,006 Zn: 0,5	
44	Trái lớn (BIFO)	% ppm	N-$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 8-3-3 Axit amin: 0,1 Cu: 100 Fe: 100 Mn: 100 Zn: 100 Mo: 100 B: 100 NAA: 500 GA_3: 500	

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

IX. Chất hỗ trợ, cải tạo đất

Số thứ tự	Tên chất hỗ trợ, cải tạo đất	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thành phần và hàm lượng các chất dinh dưỡng chính	Nguồn gốc phân bón
1	Vôi nghiền		%	$CaCO_3$: 75	Từ các nguồn
2		Carbonat Calci	%	$P_2O_{5(hh)} \geq 1,5$ Ca: 40	Công ty VTKT Nông nghiệp thành phố Hồ Chí Minh; Công ty xuất nhập khẩu NL hải sản (Agrimexco); Cơ sở Tiến Nông thành phố Hồ Chí Minh; Cơ sở Thủ Đức
3	Lân hạ phèn		%	$P_2O_{5(hh)}$: 10 (Ca, Mg): 8	Công ty trách nhiệm hữu hạn Tấn Hưng
4	Lân hạ phèn		%	$P_2O_{5(hh)t}$: 7 P_2O_{5ts}: 10 Ca: 5	Công ty Vật tư KTNN thành phố Hồ Chí Minh
5	Phân hạ phèn		%	$P_2O_{5hh)}$: 4 P_2O_{5ts}: 6 Ca: 15	
6	Chất cải tạo đất	CTĐ-1	%	(Ca, Mg): 20	
7	Chất hỗ trợ đất	AF1	%	$P_2O_{5(hh)}$-K_2O: 0,017-5,39 Na_2O: 1,33 CaO: 1,12 SiO_2: 70,0 Al_2O_3 (DạngSilicat): 13,66	Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại và Dịch vụ Thái Nguyên

* *Ghi chú:* Những chữ viết tắt

- HC: Hữu cơ (%);
- VSV(N,P,X): Vi sinh vật (cố định nitơ, phân giải lân, phân giải xellullose);
- Vlg: Vi lượng;
- RB: Rong biển;
- hh: Hữu hiệu.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com